

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2. TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG TRONG NĂM 2023 CỦA TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tổng công trình, dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Ghi chú
				LUA	RPH	RĐD	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng cộng	964	1.396,45	1.183,63	212,82		
1	Thành phố Hà Tĩnh	111	174,44	174,44			Phụ lục 2.1.
2	Thị xã Hồng Lĩnh	46	100,98	75,36	25,62		Phụ lục 2.2.
3	Thị xã Kỳ Anh	69	170,17	84,04	86,13		Phụ lục 2.3.
4	Huyện Nghi Xuân	42	131,02	100,72	30,30		Phụ lục 2.4.
5	Huyện Thạch Hà	177	222,26	215,21	7,05		Phụ lục 2.5.
6	Huyện Cẩm Xuyên	142	122,30	119,70	2,60		Phụ lục 2.6.
7	Huyện Hương Sơn	55	101,44	72,17	29,27		Phụ lục 2.7.
8	Huyện Đức Thọ	51	48,63	48,63			Phụ lục 2.8.
9	Huyện Can Lộc	96	110,76	110,76			Phụ lục 2.9.
10	Huyện Kỳ Anh	68	85,84	73,95	11,89		Phụ lục 2.10.
11	Huyện Hương Khê	30	36,48	31,78	4,70		Phụ lục 2.11.
12	Huyện Vũ Quang	19	3,39	3,39			Phụ lục 2.12.
13	Huyện Lộc Hà	58	88,74	73,48	15,26		Phụ lục 2.13.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2a. TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2022 CHUYỂN SANG TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 CỦA TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tổng công trình, dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Ghi chú
				LUA	RPH	RDD	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng cộng	759	1178,84	984,07	194,77		
1	Thành phố Hà Tĩnh	93	161,11	161,11			Mục B Phụ lục 2.1.
2	Thị xã Hồng Lĩnh	41	95,94	70,32	25,62		Mục B Phụ lục 2.2.
3	Thị xã Kỳ Anh	64	151,57	72,84	78,73		Mục B Phụ lục 2.3.
4	Huyện Nghi Xuân	40	130,62	100,32	30,30		Mục B Phụ lục 2.4.
5	Huyện Thạch Hà	140	179,82	179,82			Mục B Phụ lục 2.5.
6	Huyện Cẩm Xuyên	98	65,03	65,03			Mục B Phụ lục 2.6.
7	Huyện Hương Sơn	52	94,18	64,91	29,27		Mục B Phụ lục 2.7.
8	Huyện Đức Thọ	42	40,26	40,26			Mục B Phụ lục 2.8.
9	Huyện Can Lộc	62	84,33	84,33			Mục B Phụ lục 2.9.
10	Huyện Kỳ Anh	52	66,93	55,04	11,89		Mục B Phụ lục 2.10.
11	Huyện Hương Khê	24	31,75	27,05	4,70		Mục B Phụ lục 2.11.
12	Huyện Vũ Quang	11	1,85	1,85			Mục B Phụ lục 2.12.
13	Huyện Lộc Hà	40	75,45	61,19	14,26		Mục B Phụ lục 2.13.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 2b. TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG ĐỀ XUẤT MỚI TRONG NĂM 2023 CỦA TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tổng công trình, dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Ghi chú
				LUA	RPH	RDD	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng cộng	205	217,61	199,56	18,05		
1	Thành phố Hà Tĩnh	18	13,33	13,33			Mục A Phụ lục 2.1.
2	Thị xã Hồng Lĩnh	5	5,04	5,04			Mục A Phụ lục 2.2.
3	Thị xã Kỳ Anh	5	18,60	11,20	7,40		Mục A Phụ lục 2.3.
4	Huyện Nghi Xuân	2	0,40	0,40			Mục A Phụ lục 2.4.
5	Huyện Thạch Hà	37	42,44	35,39	7,05		Mục A Phụ lục 2.5.
6	Huyện Cẩm Xuyên	44	57,27	54,67	2,60		Mục A Phụ lục 2.6.
7	Huyện Hương Sơn	3	7,26	7,26			Mục A Phụ lục 2.7.
8	Huyện Đức Thọ	9	8,37	8,37			Mục A Phụ lục 2.8.
9	Huyện Can Lộc	34	26,43	26,43			Mục A Phụ lục 2.9.
10	Huyện Kỳ Anh	16	18,91	18,91			Mục A Phụ lục 2.10.
11	Huyện Hương Khê	6	4,73	4,73			Mục A Phụ lục 2.11.
12	Huyện Vũ Quang	8	1,54	1,54			Mục A Phụ lục 2.12.
13	Huyện Lộc Hà	18	13,29	12,29	1,00		Mục A Phụ lục 2.13.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2.1. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Đất giao thông	1,96	1,96					
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Xí đoạn từ trụ sở UBND phường cũ đến giáp xã Tân Lâm Hương	0,35	0,35			Phường Hà Huy Tập	Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND TP về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các công trình, dự án khởi công mới năm 2022	
2	Đường giao thông từ bệnh viện Vinmex đến đường Nguyễn Du	0,80	0,80			Xã Thạch Hưng	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
3	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường ngõ 84 Lê Hồng Phong	0,50	0,50			Nam Tiến, Thạch Linh	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
4	Đường bờ Bắc của kênh thoát nước phía Tây thành phố (đoạn từ ngõ 151 đường Vũ Quang đến hồ Nhật Tân, phường Thạch Linh)	0,31	0,31			P. Thạch Linh	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
II	Đất thủy lợi	0,90	0,90					
1	Nâng cấp tuyến mương tiêu thoát lũ từ Ngõ 200, đường Nguyễn Trung Thiên ra Kênh T8.	0,30	0,30			Phường Thạch Quý, Nguyễn Du	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
2	Mương chống ngập úng từ đường về thôn Tiến Hưng đến Đập Phụ Lão	0,60	0,60			xã Thạch Hưng	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
III	Đất công trình năng lượng	0,04	0,04					
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung hạ áp và TBA để giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp, đảm bảo cấp điện mạch vòng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện khu vực thành phố Hà Tĩnh	0,01	0,01			Phường Thạch Quý	Quyết định số 1074/QĐ-EVNNPC ngày 19/05/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2022 cho Công ty Điện lực Hà Tĩnh	
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2023	0,03	0,03			Phường Văn Yên, Thạch Hưng, Thạch Hạ, Thạch Trung, Thạch Quý, Thạch Linh	Quyết định số 2476/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc Duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2023 cho Công ty Điện lực Hà Tĩnh	
IV	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,15	0,15					
1	Mở rộng trường Mầm non xã Thạch Hạ	0,15	0,15			Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
V	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,31	0,31					
1	Xây dựng các trạm BTS mạng di động trên địa bàn thành phố	0,31	0,31			Xã Đồng Môn, Thạch Bình, Thạch Hạ, Thạch Hưng, Thạch Trung, Thạch Quý, Văn Yên	Quyết định số 1418/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 03/11/2022 của Viễn thông Hà Tĩnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.	
VI	Đất ở tại nông thôn	6,20	6,20					
1	Hạ tầng khu dân cư Ao Tổng 2, xã Thạch Bình (giai đoạn 1)	1,50	1,50			Bình Lý, Thạch Bình	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
2	Hạ tầng khu dân cư phía Đông thôn Tân Học (Giai đoạn 1)	0,95	0,95			Tân Học, xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
3	Hạ tầng dân cư Trung Tiến, xã Đồng Môn (giai đoạn 1)	1,15	1,15			Trung Tiến, Đồng Môn	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Hạ tầng khu dân cư Liên Phú	0,70	0,70			Xã Thạch Trung	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
5	Hạ tầng khu dân cư Đồng Bường, xã Thạch Hưng	1,90	1,90			Xã Thạch Hưng	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
VII	Đất ở tại đô thị	3,77	3,77					
1	Hạ tầng khu dân cư khối phố Bắc Quý (giai đoạn 1)	1,85	1,85			Bắc Quý, Thạch Quý	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
2	Hạ tầng khu dân cư Đồi Mốt	1,00	1,00			Phường Thạch Linh, xã Thạch Trung	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
3	Hạ tầng khu dân cư Hợp Tiến	0,92	0,92			Phường Thạch Linh	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023 trên địa bàn thành phố	
18	Tổng A: 18 Danh mục	13,33	13,33					
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023								
I	Đất công an	0,50	0,50					
1	XD trụ sở công an xã	0,20	0,20			Thôn Liên Thanh, xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	XD trụ sở công an xã	0,10	0,10			Xã Thạch Bình	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	XD trụ sở công an xã	0,20	0,20			Xã Thạch Trung	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
II	Đất thương mại, dịch vụ	15,08	15,08					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Khu du lịch dịch vụ sinh thái ven sông (Xây dựng khu du lịch dịch vụ, sinh thái ven sông tại vùng Đồng Ghè, xã Thạch Hạ)	8,05	8,05			Đồng Ghè, Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Kho thương mại tổng hợp	0,20	0,20			KP Đại Đồng, Phường Thạch Linh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Dự án Tổ hợp khách sạn, nhà hàng và vui chơi giải trí	1,14	1,14			Phường Nguyễn Du	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Quỹ đất dành cho các nhà đầu tư (Các khối phố)	5,00	5,00			Phường Thạch Linh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Tổ hợp khu thương mại, và dịch vụ	0,19	0,19			Đồng Dài, Phường Hà Huy Tập	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	QH đất thương mại, dịch vụ (Tên cũ: Trụ sở làm việc Quỹ tín dụng nhân dân Trung - Hạ - Nguyễn Du tại xã Thạch Hạ)	0,50	0,50			Thôn Hạ, xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
III	Đất xây dựng cơ sở y tế	3,76	3,76					
1	Trạm Y tế Đồng Môn	0,12	0,12			Thôn Thăng Lợi xã Đồng Môn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Đất xây dựng cơ sở y tế	3,64	3,64			Phường Thạch Quý, xã Thạch Hưng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
IV	Đất giao thông	33,71	33,71					
1	Nâng cấp hệ thống đường giao thông xã Thạch Hạ	1,03	1,03			Thôn Minh Yên, Tân Lộc & thôn Hạ, Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Đường phía Nam và phía Đông BCHQS tỉnh Hà Tĩnh	2,80	2,80			Phường Nguyễn Du	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Đường Xuân Diệu kéo dài (Đoạn từ đường vành đai khu đô thị Bắc đến đường Ngô Quyền)	8,00	8,00			Phường Nguyễn Du, Xã Thạch Trung	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	MR Bến xe buýt	0,35	0,35			Phường Thạch Quý	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5	Đường 70 (Đoạn từ đường Vũ Quang - Hàm Nghi; Đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ - Nguyễn Trung Thiên; Đoạn từ đường Trần Phú - Vũ Quang)	5,55	5,55			Phường Trần Phú, Phường Thạch Linh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	Đường vành đai phía đông thành phố Hà Tĩnh	4,91	4,91			Phường Đại Nài, xã Thạch Hưng, xã Đồng Môn, xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Đường Lê Ninh kéo dài (đoạn từ trung tâm phòng chống HIV đến phòng CSGT) và kênh T4	0,20	0,20			Xã Thạch Trung	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Đường Ngô Quyền - Đồng Môn	0,27	0,27			Thôn Thanh Tiến, xã Đồng Môn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
9	Đường giao thông thôn Liên Hà (Vườn Hùng)	0,5	1			Liên Hà, xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
10	Đường giao thông liên thôn Đông Đoài, thôn Thượng	0,05	0,05			Thôn Đông Đoài, xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
11	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông từ thôn Liên Hà ra khu Quy hoạch Đồng Ghè	1,00	1,00			Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
12	Nâng cấp 2 tuyến đường giao thông nội đồng cánh đồng Ghè	1,05	1,05			Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
13	Xây dựng đường giao thông đoạn từ trường THCS Hưng Đồng đến đường vào xóm Tiến Hưng, xã Thạch Hưng	0,40	0,40			Xã Thạch Hưng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
14	Đường Lê Ninh kéo dài từ đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến Khu đô thị Bắc	0,12	0,12			Phường Nguyễn Du	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
15	Đường Nguyễn Du kéo dài đến đê Đồng Môn	4,58	4,58			Phường Thạch Quý, xã Thạch Hưng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
16	Xây dựng đường nội đồng tại các vùng tích tụ ruộng đất xã Thạch Hạ	0,45	0,45			Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
17	Đường giao thông liên tổ dân phố Tân Tiến-Nhật Tân	0,55	0,55			Phường Thạch Linh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
18	Nâng cấp đường Đặng Văn Bá	0,15	0,15			Xã Thạch Bình	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
19	Đường và mương thoát nước hạ tầng khu dân cư xem dầm TDP4	0,95	0,95			phường Hà Huy Tập	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
20	Đường giao thông trục xã Thạch Trung (Đoạn từ đường Trần Phú đến khu dân cư Đồng Xay)	0,80	0,80			Xã Thạch Trung	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
V	Đất thủy lợi	2,48	2,48					
2	Hệ thống kênh tiêu nước vùng Ghè	0,60	0,60			Thôn Liên Thanh, xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Kênh tiêu Thạch Quý từ cống đồng kiên ra kênh T8	0,50	0,50			Phường Thạch Quý	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Mương thoát nước tổ dân phố Hòa Linh	0,10	0,10			TDP Hòa Linh, Phường Thạch Linh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	Đê Hữu Phú	0,05	0,05			xã Thạch Bình	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Hệ thống tiêu thoát nước từ vùng Học đến mương tiêu vùng Ghè, xã Thạch Hạ	0,16	0,16			Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Tuyến thoát nước từ TDP 2 Nguyễn Du đến cống Trường Lợn Thạch Trung	0,11	0,11			P. Nguyễn Du	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
9	Nâng cấp Kênh Ghè Nghem	0,18	0,18			Xã Đồng Môn	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
10	Cải tạo, nâng cấp bờ rào xã Đồng Môn	0,10	0,10			Xã Đồng Môn	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
11	Hệ thống thoát nước từ Đại Lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh đến kênh thoát lũ Thạch Trung (Dự án Hệ thống thoát nước lưu vực phía Đông Bắc khu đô thị Bắc thành phố Hà Tĩnh)	0,68	0,68			Phường Nguyễn Du	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
VI	Đất công trình năng lượng	1,25	1,25					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, phường thuộc thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2020	0,31	0,31			Phường Nguyễn Du, P. Bắc Hà, P. Tân Giang, P. Đại Nài, P. Hà Huy Tập, Xã Thạch Trung, Xã Đồng Môn, Phường Thạch Quý, Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV đi chung phục vụ giải phóng, phát triển quỹ đất phía Tây thành phố Hà Tĩnh theo hình thức BT	0,67	0,67			Phường Thạch Linh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Xây dựng 01 xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Thạch Linh (E18.1) cấp điện cho các xã Thạch Trung, Thạch Hạ, Đồng Môn - thành phố Hà Tĩnh và san tải cho ĐZ 472E18.1	0,03	0,03			Xã Thạch Trung, X. Thạch Hạ, Xã Đồng Môn, Xã Đồng Môn, Xã Thạch Hưng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Nâng cấp, di dời tuyến đường điện 22KV và mở rộng đường dây 0,4KV vùng NTTS đồng Ghè, xã Thạch Hạ	0,20	0,20			Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Xây dựng DZ, TBA giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp khu vực thành phố Hà Tĩnh năm 2022; Xây dựng, cải tạo đường dây 372E18.1 để cấp điện mạch vòng nâng cao độ tin cậy cung cấp điện	0,04	0,04			Phường Đại Nài, Thạch Linh; xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
VII	Đất ở tại nông thôn	47,55	47,55					
1	Khu dân cư Đồi Quang	2,60	2,60			X. Đồng Môn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Xen dầm đất ở 9 thôn (Tên cũ: Đất ở mới - Xen dầm)	0,60	0,60			X.Đồng Môn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Khu dân cư Cầu Ngan	4,76	4,76			Thôn Liên Thanh, Tân Học, Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Khu tái định cư Đội Nếp (TĐC cho dự án đê Đồng Môn)	3,54	3,54			X. Thạch Hưng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Khu dân cư Đồng Cầu	2,50	2,50			Thôn Kinh Nam, Xã Thạch Hưng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	Khu dân cư Tân Phú	2,00	2,00			X. Thạch Trung	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Khu dân cư Đồng Hoàng	0,30	0,30			Xóm Tân Phú, Xã Thạch Trung	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Hạ tầng xen dầm xóm Hồng Hà	0,50	0,50			Thôn Hồng Hà xã Thạch Trung	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
9	Hạ tầng xen dầm xóm Đồng Xay (giai đoạn 3)	0,20	0,20			Xóm Thanh Phú, X. Thạch Trung	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
10	Khu dân cư Đồng Cọc Lim (Ban A)	2,50	2,50			Xóm Đông Tiến, xã Thạch Trung	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
11	Đất ở mới xen dầm tại các xóm	0,74	0,74			Thôn Tân Lộc, Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
12	Đất ở xen dầm thôn Minh Yên	0,80	0,80			Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
13	Hạ tầng phía Tây thôn Tân Học giai đoạn 4	1,20	1,20			Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
14	Khu dân cư Tiên Tiến	2,48	2,48			Thôn Tiên Tiến xã Đồng Môn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
15	Đất ở xen dầm	0,30	0,30			Thôn Kim Nam xã Thạch Hưng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
16	Hạ tầng khu dân cư thôn Thanh Tiến	2,85	2,85			Xã Đồng Môn	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
17	Hạ tầng khu dân cư Khu N trung tâm hành chính xã Thạch Hưng	2,45	2,45			Xã Thạch Hưng	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
18	Hạ tầng khu dân cư Khu M trung tâm hành chính xã Thạch Hưng	4,51	4,51			Xã Thạch Hưng	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
19	Hạ tầng khu dân cư Đồng Cửa Hàng	2,21	2,21			Xã Thạch Bình	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
20	Hạ tầng khu dân cư vùng Giếng Đồng thôn Tiên Giang	2,00	2,00			X. Đồng Môn	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
21	Khu dân cư thôn Tân Phú	2,90	2,90			X. Thạch Trung	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
22	Hạ tầng khu dân cư đồng Kênh, đồng Cửa Miếu	4,10	4,10			X. Thạch Hưng	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
23	Hạ tầng khu dân cư thôn Liên Nhật (giai đoạn 2)	1,52	1,52			Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
VIII	Đất ở tại đô thị	46,66	46,66					
1	Đất ở mới (Xen dăm)	0,90	0,90			TDP 7, Phường Nguyễn Du	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Quỹ đất tái định cư phục vụ dự án tái định cư	0,74	0,74			TDP 6, Phường Nguyễn Du	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Quỹ đất thanh toán cho dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV	3,00	3,00			Phường Thạch Linh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Dự án Khu phức hợp thể thao, nhà ở Sông Đông (Tên cũ: Khu Thương mại dịch vụ và nhà ở Sông Đông)	6,70	6,70			Phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
5	Đất ở mới (Xen dăm)	0,10	0,10			Phường Thạch Quý	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
6	Khu đô thị tại thành phố Hà Tĩnh	3,22	3,22			Phường Nguyễn Du	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
7	Khu dân cư Tổ dân phố 4, Tổ dân phố 7, Phường Hà Huy Tập	0,80	0,80			TDP 4, TDP 7, phường Hà Huy Tập	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
8	Dự án chỉnh trang đô thị hạ tầng dân cư TDP7 (Tên cũ tách ra từ danh mục: Khu dân cư Tổ dân phố 4, Tổ dân phố 7, Phường Hà Huy Tập)	3,15	3,15			TDP 7, phường Hà Huy Tập	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Tách ra từ mục Khu dân cư Tổ dân phố 4, tổ dân phố 7)	
9	Khu đất phía Đông bộ chỉ huy quân sự tỉnh	2,50	2,50			Phường Nguyễn Du, TP Hà Tĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
10	Khu đô thị tại xã Thạch Trung	9,20	9,20			xã Thạch Trung	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
11	Khu đô thị Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh	9,06	9,06			Phường Thạch Quý	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
12	Hạ tầng khu dân cư Bàu Rạ	1,74	1,74			Phường Hà Huy Tập	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
13	Hạ tầng khu dân cư Khối phố Tuy Hòa, phường Thạch Linh	1,49	1,49			P. Thạch Linh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
14	Hạ tầng tổ dân phố 6, phường Nguyễn Du	1,13	1,13			P. Nguyễn Du	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
15	Khu tái định cư khối phố Tân Quý, phường Thạch Quý	2,26	2,26			Phường Thạch Quý	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
16	Hạ tầng khu dân cư xem đấm TDP 3, 4	0,67	0,67			P. Hà Huy Tập	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
IX	Đất trụ sở cơ quan	1,62	1,62					
1	Trung tâm hành chính phường	0,62	0,62			KP Hòa Bình, phường Văn Yên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Xây dựng trụ sở làm việc của tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh	1,00	1,00			TDP 2, phường Nguyễn Du	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
X	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,26	0,26					
1	XD Nhà văn hóa khối phố	0,15	0,15			KP Tây Yên, Phường Văn Yên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Nhà Văn Hóa Tiên Tiến	0,11	0,11			Thôn Tiên Thiến xã Đồng Môn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XII	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	0,140	0,140					
1	Trung tâm điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tại xã Thạch Hạ	0,14	0,14			Xã Thạch Hạ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XIV	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,12	0,12					
1	Tiểu công viên kết hợp đường giao thông trục thôn tại xóm Đoài Thịnh, xã Thạch Trung	0,12	0,12			Xã Thạch Trung	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XVI	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	1,80	1,80					
1	Xây dựng trường THCS Đại Nài về vị trí mới	1,80	1,80			Phường Đại Nài	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XVII	Đất cơ sở văn hóa	3,28	3,28					
1	XD Trụ sở Bảo tàng	3,28	3,28			Phường Nguyễn Du	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
XVIII	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	2,90	2,90					
1	Khu sản xuất thương mại tập trung nghề chế tác đá tại xã Thạch Bình	2,90	2,90			Xã Thạch Bình	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
93	Tổng B: 93 Danh mục	161,11	161,11					
111	Tổng A+B: 111 Danh mục	174,44	174,44					

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 2.2. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA THỊ XÃ HỒNG LĨNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Đất thương mại, dịch vụ	0,41	0,41					
1	Dự án trung tâm thương mại và nhà hàng	0,41	0,41			Khu đất DV 5.5 quy hoạch phân khu phường Nam Hồng	Công văn số 467/UBND-TNMT ngày 30/3/2022 của UBND thị xã Hồng Lĩnh về việc đồng ý chủ trương cho khảo sát lập quy hoạch chi tiết 1/500 và thuê đất để thực hiện dự án	
II	Đất phát triển hạ tầng	0,72						
II.1	Đất thủy lợi	0,72	0,72					
1	Dự án hệ thống tiêu úng các xã trọng điểm sản xuất nông nghiệp các huyện Đức Thọ, Can Lộc, Thị xã Hồng Lĩnh (Kênh 19.5)	0,72	0,72			Thị xã Hồng Lĩnh	Văn bản số: 983/BQLDA-KHDT ngày 25/10/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
III	Đất ở tại nông thôn	0,15	0,15					
1	Khu dân cư xen dăm thôn Đồi Cao	0,15	0,15			Thôn Đồi Cao, xã Thuận Lộc	Công văn số 1498/UBND-TNMT ngày 26/9/2022 của UBND thị xã Hồng Lĩnh về việc lập quy hoạch khu dân cư để giao đất có thu tiền sử dụng đất.	
IV	Đất ở tại đô thị	3,76	3,76					
1	Khu dân cư Đồng Lống	1,50	1,50			TDP Tuần Cầu, phường Trung Lương	Văn bản số 1422/UBND-QLĐT ngày 14/9/2022 của UBND thị xã Hồng Lĩnh	
2	Khu dân cư TDP 3, phường Đậu Liêu (Giai đoạn 2)	2,26	2,26			Phường Đậu Liêu	NQ 61 ngày 16/12/2021 HĐND tỉnh	
5	TỔNG A: 5 Danh mục	5,04	5,04					
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023								
I	Đất nông nghiệp khác	9,31	9,31					
1	Dự án trồng dâu nuôi tằm khu vực ngoài đê phường Trung Lương	7,00	7,00			Khu vực ngoài đê phường Trung Lương	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Dự án đầu tư trồng lúa kết hợp nuôi trồng và khai thác thủy sản, trồng cây lấy gỗ, cây ăn quả lâu năm phường Trung Lương	1,10	1,10			TDP Tuần Cầu, phường Trung Lương	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
3	Mô hình trồng cây ăn quả kết hợp nuôi cá nước ngọt (Dự án trồng cây ăn quả và nuôi cá của ông Phạm Khắc Hồng)	1,21	1,21			Phường Trung Lương	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
I	Đất quốc phòng	8,69		8,69				
1	Thao trường bắn Ban CHQS thị xã	8,69		8,69		Phường Đạu Liêu	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
II	Đất cụm công nghiệp	8,81	8,81					
1	Cụm công nghiệp Nam Hồng	6,00	6,00			Phường Nam Hồng, Phường Đạu Liêu	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
2	Cụm công nghiệp Trung Lương	2,81	2,81			Phường Trung Lương	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
3	Cụm công nghiệp Trung Lương	7,08	7,08			Phường Trung Lương	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
III	Đất thương mại, dịch vụ	3,99	3,99					
1	Nhà hàng, khách sạn ROYLAND	2,00	2,00			Phường Đạu Liêu	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
2	Dự án đầu tư xây dựng Nhà hàng, khách sạn tại phường Đạu Liêu	1,23	1,23			Phường Đạu Liêu	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
3	Trung tâm dịch vụ thương mại tổng hợp	0,35	0,35			Đồng Đồng Chí, TDP 7 phường Nam Hồng	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
4	Dự án dịch vụ thương mại tổng hợp	0,41	0,41			Đường Nguyễn Đồng Chí, Phường Nam Hồng	NQ 83 ngày 15/07/2022 của HĐND tỉnh	
III	Đất sản xuất kinh doanh	0,67	0,67					
1	Xây dựng nhà xưởng chế biến, chăn nuôi tằm của HTX trồng dâu nuôi tằm công nghệ cao Hồng Lĩnh	0,67	0,67			Phường Trung Lương	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
IV	Đất phát triển hạ tầng	26,25	9,32	16,93				
IV.1	Đất giao thông	6,22	4,62	1,60				
1	Mở rộng đường đi chùa Hang	1,60		1,60		Phường Bắc Hồng, phường Nam Hồng	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
2	Tuyến đường Ngô Đức Kế kéo dài (Đoạn từ cầu ông Đạt đến đường Phan Hưng Tạo)	1,12	1,12			Phường Bắc Hồng	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3	Đường Nguyễn Thiếp	3,00	3,00			xã Thuận Lộc; Ph. Nam Hồng	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
4	Đường vành đai TX Hồng Lĩnh Hà Tĩnh (Đoạn QL 8 - Tiên Sơn) giai đoạn 1	0,50	0,50			Ph. Trung Lương, Ph. Đức Thuận	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
5	Đường trục chính trung tâm thị xã Hồng Lĩnh đoạn từ QL8A đến đường Nguyễn Thiếp, chiều dài tuyến 1,5km	2,86	2,86			Phường Bắc Hồng, Nam Hồng	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
6	Các công trình chỉnh trang đô thị trên địa bàn phường Đậu Liêu	0,20	0,20			TDP 3,4,5,6,7, Phường Đậu Liêu	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
IV.2	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	0,30	0,30					
1	Mở rộng xây dựng trường liên cấp 1-2 phường Đức Thuận.	0,30	0,30			TDP 4, Phường Đậu Liêu	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
IV.3	Đất công trình năng lượng	2,23	0,79	1,44				
1	Dự án đường dây 110 kV Hưng Đông - Can Lộc và Hưng Đông - Linh Cảm	2,17	0,73	1,44		Phường Trung lương, P Bắc Hồng, P. Nam Hồng, P. Đậu Liêu	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
2	Dự án xây dựng đường dây và trạm biến áp 110 KVA Hồng Lĩnh	0,06	0,06			Phường Nam Hồng	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
3	Xây dựng DZ, TBA chống quá tải và giảm thất điện năng lưới điện các phường thuộc thị xã Hồng Lĩnh	0,03	0,03			Các phường, xã	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
IV.4	Đất bưu chính viễn thông	0,16	0,16					
1	Xây dựng các trạm BTS mạng di động Vinaphone trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh	0,16	0,16			Phường Trung Lương, Đức Thuận, Bắc Hồng, Nam Hồng, Đậu Liêu và Xã Thuận Lộc	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
IV.5	Đất tôn giáo	11,89		11,89				
1	Mở rộng Di tích lịch sử - văn hóa chùa Long Đàm	2,50		2,50		Phường Đức Thuận	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng khu di tích lịch sử chùa Đại Hùng	9,39		9,39		TDP 7, Phường Đậu Liêu	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
IV.6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	5,45	3,45	2,00				
1	XD nghĩa trang Bà Đại	2,00	2,00			TDP Thuận An, phường Đức Thuận	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
1	Nghĩa trang Vĩnh Hằng	3,45	1,45	2,00		Phường Đậu Liêu	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
V	Đất ở tại nông thôn	6,61	6,61					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Khu dân cư thôn Hồng Nguyệt	0,90	0,90			Thôn Hồng Nguyệt, xã Thuận Lộc	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
2	Điều chỉnh khu dân cư Nền Tế	3,00	3,00			Xã Thuận Lộc	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
3	Khu dân cư Mù Tý, thôn Đồi Cao	2,71	2,71			Xã Thuận Lộc	NQ 71 ngày 29/04/2022 của HĐND tỉnh	
VI	Đất ở tại đô thị	19,47	19,47					
1	Đất ở phía Bắc đường Ngô Đức Kế (Đồng Vòng)	1,22	1,22			Phường Bắc Hồng	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
2	QH khu dân cư phía Đông đường Thống Nhất	4,62	4,62			Ph. Đức Thuận	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
3	QH khu dân cư phía Đông Bệnh viện	1,71	1,71			Ph. Đức Thuận	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
4	Khu dân cư TDP 6 P. Đâu Liêu	0,98	0,98			TDP 6 P. Đâu Liêu	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
5	Đất ở phía Tây khu TTHC Phường (mới) đồng Nhà Mưa, đồng Đưng	2,53	2,53			TDP 6, Phường Nam Hồng	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
6	Khu dân cư mới TDP Thuận Tiến - Thuận An	1,95	1,95			Ph. Đức Thuận	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
7	Xen dầm khu dân cư Dầm Quan, phường Trung Lương (giai đoạn 2)	4,46	4,46			TDP Tiên Sơn, P Trung Lương	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
8	Xen dầm khu dân cư Cây Đa, TDP Phúc Sơn, phường Trung Lương	2,00	2,00			TDP Phúc Sơn, P Trung Lương	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
9	Khu tái định cư đồng Ngụ Trường	0,95	0,95			Phường Bắc Hồng	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
VII	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,02	1,02					
1	XD Trụ sở Viện Kiểm Sát	0,34	0,34			TDP 6, Phường Nam Hồng	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
2	XD Trụ sở UBND phường Nam Hồng	0,68	0,68			TDP 6, Phường Nam Hồng	NQ 61 ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh	
41	Tổng B: 41 Danh mục	95,94	70,32	25,62				
46	Tổng A +B: 46 Danh mục	100,98	75,36	25,62				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 2.3. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA THỊ XÃ KỶ ANH**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Đất ở đô thị	8,70	8,70					
1	Khu dân cư đô thị tại xã Kỳ Hoa và phường Hưng Trí	8,70	8,70			P. Hưng Trí, X Kỳ Hoa	Văn bản số 409/UBND-XD ₁ của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch khu tái định cư tại xã Kỳ Hoa và phường Hưng Trí	
II	Đất năng lượng	0,30	0,30					
1	Dự Án xuất tuyến 110kv sau TBA 220kv Vũng Áng	0,30	0,30			P Kỳ Trinh, P Kỳ Thịnh	Văn bản số 9078/CPMB-PĐBN Ngày 26/10/2022 của Ban QLDA các công trình điện Miền Trung về việc xây dựng dự án TBA 220v Vũng Áng và đấu nối trên địa bàn thị xã Kỳ Anh	
III	Đất khu cụm công nghiệp	2,20	2,20					
1	Dự án 'Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn công nghệ cao (chuyển đổi vị trí)	2,20	2,20			P. Kỳ Trinh	QĐ số 103/QĐ-KKT ngày 17/7/2021 của Ban QL KKT tỉnh V/v phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn công nghệ cao tỷ lệ 1/500	
IV	Đất năng lượng	7,40		7,40				
1	Dự án Tổng kho xăng dầu Phúc Lâm	2,00		2,00		xã Kỳ Lợi	VB số 5443/UBND-GT ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương nghiên cứu khảo sát đầu tư dự án Tổng kho xăng dầu Phúc Lâm Petro Hà Tĩnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Dự án Tổng kho xăng dầu Giang Nam	5,40		5,40		xã Kỳ Lợi	VB số 5443/UBND-GT ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương nghiên cứu khảo sát đầu tư dự án Tổng kho xăng dầu Phúc Lâm Petro Hà Tĩnh	
5	Tổng A: 5 Danh mục	18,60	11,20	7,40				
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023								
I	Đất quốc phòng	0,11	0,11					
1	Thao trường huyện lỵ (Lữ đoàn 134)	0,11	0,11			Thôn Hoa Thắng, X. Kỳ Hoa	NQ61	
II	Đất an ninh	1,35	1,35					
1	XD trụ sở công an xã Kỳ Hoa	0,24	0,24			Thôn Hoa Tân xã Kỳ Hoa	NQ61	
2	XD trụ sở công an xã Kỳ Nam	0,22	0,22			Thôn Tân Tiến xã Kỳ Nam	NQ61	
3	XD trụ sở công an xã Kỳ Ninh	0,34	0,34			Thôn Hải Hà xã Kỳ Ninh	NQ61	
4	XD trụ sở công an xã Kỳ Hà	0,25	0,25			Thôn Nam Hà xã Kỳ Hà	NQ61	
5	XD trụ sở công an phường Kỳ Trinh	0,30	0,30			Phường Kỳ Trinh	NQ61	
III	Đất cụm công nghiệp	3,00		3,00				
1	Dự án Cụm công nghiệp Kỳ Ninh	3,00		3,00		Thôn Tam Hải, X. Kỳ Ninh	NQ61	
IV	Đất cơ sở giáo dục, đào tạo	0,32	0,32					
1	Dự án XD Trường mầm non Kỳ Trinh	0,32	0,32			TDP Quyền Thượng, P. Kỳ Trinh	NQ61	
V	Đất giao thông	25,84	12,16	13,68				
1	Đường trục dọc Khu đô thị trung tâm Thị xã Kỳ Anh	6,00	6,00			P. Hưng Trí và P. Kỳ Trinh	NQ61	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Huy Oánh đi đường Phạm Tiêm	0,40	0,40			P. Hưng Trí	NQ61	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3	Hạ tầng giao thông phía Tây Khu công nghiệp đa ngành, Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	0,50	0,50			P. Kỳ Trinh	NQ61	
4	Dự án Đường từ Quốc Lộ 1A đi cảng Sơn Dương giai đoạn 2	0,50	0,50			P. Kỳ Long	NQ61	
5	Dự án Đường từ Khu công nghiệp đa ngành đi khu công nghệ cao Khu kinh tế Vũng Áng	3,47	3,47			P. Kỳ Trinh	NQ61	
6	Dự án kỹ thuật khu vực hậu cảng Vũng Áng (giai đoạn 1)	1,29	1,29			X. Kỳ Lợi	NQ61	
7	Cảng cá Cửa khẩu Kỳ Ninh	5,00		5,00		X. Kỳ Ninh	NQ61	
8	Kè, via hè, đường du lịch ven biển Kỳ Ninh	2,00		2,00		Thôn Tiến Thắng, Hải Hà, xã Kỳ Ninh	NQ61	
9	Dự án đường trục chính Trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh (phần diện tích bổ sung)	6,68		6,68		Các xã, phường: Kỳ Lợi, Kỳ Thịnh, Kỳ Long	NQ83	
VI	Đất thủy lợi	15,11	10,61	4,50				
1	Cải tạo tuyến kênh thoát nước, chống ngập QL1A đoạn qua TDP. Hưng Thịnh, phường Hưng Trí	0,41	0,41			P. Hưng Trí	NQ61	
2	Dự án hệ thống kênh tách nước phân lũ cho các xã phía nam huyện Kỳ Anh (giai đoạn 2 và 3 từ cầu Tây Yên - Hoà Lộc)	8,70	8,70			P. Kỳ Thịnh	NQ61	
3	Đê Hoàng Đình	1,50	1,50			X. Kỳ Trinh	NQ61	
4	Xử lý sạt lở bờ biển xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh	4,50		4,50		X. Kỳ Ninh	NQ61	
VII	Đất công trình năng lượng	46,20	5,41	40,79				
1	Trạm biến áp 220kV Vũng Áng và đầu nối	5,18	0,20	4,98		P. Kỳ Thịnh	NQ61	
2	Bãi chứa vật tư bổ sung phục vụ thi công Nhà máy nhiệt điện BOT Vũng Áng II	3,00		3,00		X. Kỳ Lợi	NQ61	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3	Dự án XD Đường dây 500kV Vũng Áng - Quảng Trạch, đoạn đi qua địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (Mạch 3)	7,26	0,41	6,85		X. Kỳ Lợi, X. Kỳ Nam, P. Kỳ Trinh, P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Long, P. Kỳ Liên, P. Kỳ Phương, P. Hưng Trí, X. Kỳ Hoa	NQ61	
4	Dự án nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 35Kv đoạn qua thị xã Kỳ Anh theo phương pháp đa chia - đa nối	0,04	0,04			P. Kỳ Trinh, P. Hưng Trí, X. Kỳ Hà	NQ61	
5	Dự án xây dựng ĐZ, TBA nâng cao chất lượng điện năng tại phường Kỳ Trinh, Kỳ Thịnh	0,03	0,03			P. Kỳ Trinh, P. Kỳ Thịnh	NQ61	
6	Dự án Trang trại phong điện HBRE Hà Tĩnh	17,73		17,73		P. Kỳ Trinh, P. Kỳ Thịnh, P. Kỳ Long, P. Kỳ Liên, P. Kỳ Phương	NQ61	
7	Dự án đường dây 500kV Vũng Áng - rẽ Hà Tĩnh - Đà Nẵng	0,87	0,87			X. Kỳ Hoa, P. Hưng Trí, P. Kỳ Trinh, X. Kỳ Lợi	NQ61	
8	Dự án Tuyển ống thải tro xỉ dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2 của Công ty Cổ phần nhiệt điện Vũng Áng 2	1,84		1,84		X. Kỳ Lợi	NQ61	
9	Xây dựng mạch vòng 22kV giữa trạm biến áp 110kV Vũng Áng (E18,5) và TBA 110kV Kỳ Anh (E18,3), nâng cấp độ tin cậy cung cấp điện theo phương án đa chia đa nối khu vực thị xã Kỳ Anh	0,05	0,05			Phường Kỳ Trinh, Kỳ Thịnh, Kỳ Hưng	NQ61	
10	Nhà máy điện gió Kỳ Nam	3,20	3,20			X. Kỳ Nam	NQ61	
11	Trạm biến áp 220kv Vũng Áng và đầu mối	5,18	0,20	4,98		P. Kỳ Trinh	NQ61	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
12	Dự án đường dây 500kV Vũng Áng - rẽ Hà Tĩnh - Đà Nẵng (mạch 3, 4)	1,79	0,38	1,41		Các xã, phường: Kỳ Lợi, Kỳ Thịnh, Kỳ Trinh, Hưng Trí, Kỳ Hoa	NQ83	
13	Dự án cấp điện nhà máy sản xuất pin - Công ty CP giải pháp năng lượng Vines - thuộc tập đoàn Vingroup	0,03	0,03			Phường Kỳ Thịnh, phường Kỳ Long	NQ83	
XIII	Đất ở tại nông thôn	11,12	9,62	1,50				
1	Khu tái định cư xã Kỳ Nam (mở rộng thêm)	7,23	7,23			X. Kỳ Nam	NQ61	
2	Đất ở nông thôn	0,41	0,41			Thôn Hải Hà, X. Kỳ Hà	NQ61	
3	Khu dân cư Bàu Đá (Diện tích quy hoạch khu 6,50 ha)	0,79	0,79			Vùng Đồng Lầm, Bàu Đá, X. Kỳ Hoa	NQ61	
4	Khu DV tổng hợp và dân cư Hoa Trung của CT TNHH Hùng Cường	0,78	0,78			Thôn Hoa Trung, X. Kỳ Hoa	NQ61	
5	Khu dân cư Mang Tang (giai đoạn 2)	0,30	0,30			Vùng Mang Tang, thôn Quý Huệ, X. Kỳ Nam	NQ61	
6	Đất ở nông thôn	0,11	0,11			Thôn Tân Thắng, X. Kỳ Ninh	NQ61	
7	Đất ở nông thôn	1,50		1,50		Thôn Tam Hải 2, X. Kỳ Ninh	NQ61	
IX	Đất ở tại đô thị	11,05	11,05					
1	QH phân lô đất ở TDP Hưng Nhân	0,90	0,90			P. Hưng Trí	NQ61	
2	Khu dân cư đô thị tại tổ dân phố 2	6,44	6,44			P. Hưng Trí	NQ61	
3	Khu dân cư Cảnh Buồm (Đất ở 5,85 ha; Đất hạ tầng 2,51 ha)	0,46	0,46			Cảnh Buồm, Khu phố 3, P. Hưng Trí	NQ61	
4	Đất ở đô thị	1,00	1,00			Rộc Phủ, KP Trung Thượng, P. Hưng Trí	NQ61	
5	Đất ở đô thị	0,25	0,25			TDP Hòa Lộc, P. Kỳ Trinh	NQ61	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
6	Đất ở đô thị	2,00	2,00			Đường Trục ngang, TDP Đông Trinh, P. Kỳ Trinh	NQ61	
X	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	0,01		0,01				
1	Dự án XD Trạm quan trắc môi trường nước biên tự động, liên tục	0,01		0,01		khu vực Mũi Dung, xã Kỳ Lợi	NQ61	
XI	Đất khu vui chơi giải trí	3,23		3,23				
1	Dự án Quảng trường khu du lịch biển Kỳ Ninh	3,23		3,23		X. Kỳ Ninh	NQ61	
XII	Đất cơ sở tôn giáo	0,66	0,66					
1	Mở rộng khuôn viên chùa Thanh Phúc	0,16	0,16			X. Kỳ Nam	NQ61	
2	XD trường học giáo lý và sinh hoạt của Giáo xứ Đồng Hòa	0,50	0,50			X. Kỳ Hà	NQ61	
XIII	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,21		0,21				
1	Dự án Cầu và bến thả hoa đăng tại Đền thờ Chế Thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu	0,21		0,21		X. Kỳ Ninh	NQ61	
XIV	Đất nông nghiệp khác	0,35	0,35					
1	Dự án trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại Vùng Cồn Mã	0,35	0,35			Thôn Vĩnh Thuận, X. Kỳ Ninh	NQ61	
XV	Đất thương mại, dịch vụ	19,29	10,28	9,01				
1	Dự án đầu tư xây dựng khách sạn HAPPY	0,68	0,68			TDP Hoàn Nam, P. Kỳ Liên	NQ61	
2	Khu Nghỉ dưỡng Kỳ Ninh (Trùng với nghị quyết 35)	3,50		3,50		X. Kỳ Ninh	NQ61	
3	Dự án Khu dịch vụ hậu cảng của Công ty cổ phần cảng Vũng Áng Lào - Việt (phần sử dụng để đổ vật liệu nạo vét)	9,40	9,40			Thôn Hải Phong, Phúc Thành, X. Kỳ Lợi	NQ61	
4	Dự án Mở rộng Dự án Xây dựng hệ thống kho bãi tập kết vật tư và lưu trữ hàng hóa của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Vũng Áng	3,00	0,20	2,80		Thôn Hải Phong, X. Kỳ Lợi	NQ61	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5	Trung tâm khu du lịch biển Kỳ Ninh	2,71		2,71		X. Kỳ Ninh	NQ61	
	- Đất thương mại dịch vụ	1,36		1,36				
	- Đất quảng trường	1,03		1,03				
	- Đất giao thông	0,32		0,32				
XV	Đất khu công nghiệp	9,45	9,45					
1	Trung tâm nghiên cứu và phát triển ô tô điện Hà Tĩnh	9,45	9,45			Các xã, phường Kỳ Lợi, Kỳ Thịnh, Kỳ Long	NQ61	
XVI	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	2,80		2,80				
1	Dự án Nhà máy xử lý và tái chế tro xỉ Nhiệt điện Vũng Áng I của Công ty CP Đầu tư và xử lý chất thải công nghiệp Vũng Áng (phần DT còn lại)	1,80		1,80		Thôn Hải Phong, X. Kỳ Lợi	NQ61	
2	Dự án Nhà máy sản xuất gạch không nung	1,00		1,00		Thôn Hải Phong, X. Kỳ Lợi	NQ61	
XVII	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,55	0,55					
1	XD nghĩa trang xã Kỳ Ninh	0,55	0,55			X. Kỳ Ninh	NQ61	
XXIII	Đất chợ	0,67	0,67					
1	XD chợ Tây Yên	0,17	0,17			P. Kỳ Thịnh	NQ61	
2	XD Chợ Kỳ Trinh	0,50	0,50			TDP Quyền Thượng, P. Kỳ Trinh	NQ61	
XIX	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,25	0,25					
1	XD nhà văn hóa thôn Hoa Sơn	0,25	0,25			X. Kỳ Hoa	NQ61	
64	Tổng B: 64 Danh mục	151,57	72,84	78,73				
69	Tổng A+B: 69 Danh mục	170,17	84,04	86,13				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2.4. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN NGHI XUÂN**
(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Công trình, dự án mục đích an ninh	0,2	0,2					
1	Trụ sở làm việc Công an TT Xuân An	0,2	0,2			TT Xuân An	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 25/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
II	Đất tôn giáo	0,20	0,20					
1	Xây dựng Chùa Vân giác	0,20	0,20			Xã Xuân Giang	QH chi tiết 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt	
2	Tổng A: 2 Danh mục	0,40	0,40					
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023								
I	Đất an ninh	0,20	0,20					
1	Trụ sở làm việc công an xã Xuân Phổ	0,20	0,20			Xã Xuân Phổ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
II	Đất thương mại, dịch vụ	19,09	0,60	18,49				
1	Dự án văn phòng làm việc kết hợp kinh doanh Thương mại Dịch vụ Châu Tĩnh	0,25	0,25			Xã Cổ Đạm	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Dự án Khu du lịch sinh thái biển Xuân Hội	18,00		18,00		Xã Xuân Hội	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Khu thương mại dịch vụ và nuôi trồng thủy sản Cương Gián	0,49		0,49		Xã Cương Gián	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Đất thương mại, dịch vụ	0,35	0,35			Xã Xuân Yên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
III	Đất khu công nghiệp	24,80	24,80					
1	Các lô đất thuộc quy hoạch Khu công nghiệp Gia Lách	24,80	24,80			Thị trấn Xuân An và xã Xuân Viên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IV	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	1,13	1,13					
1	Xây dựng nhà máy nước các xã Cổ Đạm, Xuân Liên, Cương Gián huyện Nghi Xuân	1,13	1,13			Xã Cổ Đạm	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
V	Đất giao thông	2,22	2,22					
1	Xây dựng tuyến đường qua khu xử lý rác thải tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	0,30	0,30			Xã Xuân Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Hạ tầng khu du lịch biển Xuân Thành	0,42	0,42			Xã Xuân Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nội đồng tuyến từ cầu Cao thôn 4 đi ngã ba quán bà Viện thôn 6	1,30	1,30			Xã Xuân Hồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Nâng cấp đường trục xã, trục thôn	0,20	0,20			Xã Xuân Hồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VI	Đất thủy lợi	5,00	5,00					
1	Xử lý ngập úng vùng đất sản xuất nông nghiệp KCN Gia Lách	5,00	5,00			TT Xuân An, xã Xuân Viên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VII	Đất bưu chính viễn thông	0,07	0,07					
1	Đất bưu chính viễn thông NXN_HTH	0,07	0,07			TT Xuân An, xã Xuân Hồng, xã Xuân Lam	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VIII	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,10	0,10					
1	Mở rộng khu di tích LS-VH Nguyễn Công T	0,10	0,10			Xã Xuân Giang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IX	Đất ở tại nông thôn	55,97	45,07	10,90				
1	Đất ở khu dân cư nông thôn vùng Đồng Xuân Hai thôn 7	0,90	0,90			Xã Xuân Hồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Xen dăm đất ở thôn Hội Tiến	0,10	0,10			Xã Xuân Hội	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Khu dân cư NTM Song Long	2,30	2,30			Xã Cương Gián	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Khu dân cư nông thôn mới Trường Quý	0,60	0,60			Xã Xuân Trường	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Khu dân cư nông thôn mới Trung Vân	5,00	5,00			Xã Xuân Hải	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Khu đô thị mới Xuân Thành	1,00	1,00			Xã Xuân Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Dự án khu dân cư xã Xuân Giang	3,85	3,85			TT Tiên Điền, xã Xuân Giang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
8	Đất ở xen dăm thôn 1	0,23	0,23			Xã Xuân Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
9	Đất ở xen dăm thôn 3	0,70	0,70			Xã Xuân Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
10	Xen dăm dân cư Bờ Lồi Lam Lang	0,30	0,30			Xã Xuân Hải	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
11	Đất ở thôn Tân Ninh Châu	5,50	5,50			Xã Xuân Hội	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
12	Đất ở thôn Thanh Văn	2,50	2,50			Xã Xuân Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
13	Cấp đất xen dăm dân cư Cồn Lều, hội quán thôn Nam Sơn, thôn Nam Viên cũ	0,20	0,20			Xã Xuân Viên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
14	Đất ở thôn Phúc Mỹ, Trường Mỹ, Thuận Mỹ, Thịnh Mỹ	0,71	0,71			Xã Xuân Mỹ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
15	Xây dựng khu đô thị Xuân Yên	5,71	2,81	2,90		Xã Xuân Yên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
16	Khu đô thị du lịch Xuân Đan, Xuân Phở	15,50	7,50	8,00		Xã Xuân Đan, Xã Xuân Phở	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
17	Khu dân cư nông thôn mới thôn Kỳ Tây	4,50	4,50			Xã Cô Đàm	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
18	Đất ở nông thôn (Bàng Trung thôn Thịnh Mỹ); thôn Hồng Mỹ	0,23	0,23			Xã Xuân Mỹ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
19	Khu dân cư tại thôn Trường Thanh và Trường Hải xã Đan Trường	5,50	5,50			Xã Đan Trường	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
20	Quy hoạch đất ở vùng đồng Nảy, thôn 1	0,64	0,64			Xã Xuân Lam	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
X	Đất ở tại đô thị	8,28	8,28					
1	Khu dân cư tại TDP Hồng Lam và Phong Giang, thị trấn Tiên Điền	5,28	5,28			TT Tiên Điền	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Dự án khu dân cư thị trấn Tiên Điền	3,00	3,00			TT Tiên Điền	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XI	Đất cơ sở tôn giáo	10,00	9,50	0,50				
1	Thiền Viện Trúc Lâm (thôn Trung Sơn)	10,00	9,50	0,50		Xã Xuân Viên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XII	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,41		0,41				
1	Tôn tạo các nhà văn hóa thôn (Đông Tây, Ngọc Huệ, Song Hải, Song Hồng, Tân Thượng)	0,41		0,41		Xã Cương Gián	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XIII	Đất nông nghiệp khác	3,35	3,35					
1	Dự án Trang trại sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái tại xã Xuân Mỹ	1,80	1,80			Xã Xuân Mỹ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Đất khu chăn nuôi tập trung (Đồng Bàu Sen, thôn Tân Mỹ)	1,55	1,55			Xã Xuân Mỹ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
40	Tổng B: 40 Danh mục	130,62	100,32	30,30				
42	Tổng A+B: 42 Danh mục	131,02	100,72	30,30				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2.5. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN THẠCH HÀ**
(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Đất nông nghiệp khác	5,60	5,60					
1	Đất nông nghiệp khác	3,5	3,5			Thôn Đồng Giang, xã Thạch Khê	Thực hiện theo hướng dẫn số: 3888/HD-STNMT ngày 12/11/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường (về việc công nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân dùng vào mục đích sản xuất nông nghiệp)	
2	Đất nông nghiệp khác	2,1	2,1			Các thôn xã Ngọc sơn	Thực hiện theo hướng dẫn số: 3888/HD-STNMT ngày 12/11/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường (về việc công nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân dùng vào mục đích sản xuất nông nghiệp)	
II	Đất an ninh	0,43	0,43					
1	Trụ sở công an xã	0,23	0,23			Thôn Bình Sơn, xã Đinh Bàn	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND, ngày 25/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (phụ lục 3)	
2	Trụ sở công an xã	0,20	0,20			Thôn Đại Hải, xã Thạch Hải	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND, ngày 25/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (phụ lục 3)	
III	Đất thương mại, dịch vụ	7,65	1,10	6,55				
1	Dự án Showroom ô tô PGS	1,1	1,1			Thôn Đại Đồng, xã Thạch Long	Quyết định số 19/CTĐT-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh	
2	Dự án khu du lịch biển	6,55		6,55		Xã Thạch Trị, Thạch Văn	Quyết định số 08/QĐ-UBND, ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh	
IV	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	6,50	6,50					
1	Quy hoạch nhà máy nước	6,50	6,50			Thôn Hồng Thái, xã Thạch Thắng	Tờ trình số 1012/Tr-UBND ngày 9/6/2022 của UBND huyện Thạch Hà	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
V	Đất giao thông	4,90	4,40	0,50				
1	Mở rộng đường từ HL03 - Đường Hàm Nghi kéo dài	0,60	0,60			Xã Thạch Đài	Quyết định số: 75/QĐ - UBND, ngày 10 tháng 05 năm 2022 của UBND xã Thạch Đài	
2	Tiểu dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	1,40	1,40			Thị trấn Thạch Hà	Quyết định số 1085/QĐ-TTg, ngày 23/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư 05 tiểu dự án thuộc Dự án "Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ" sử dụng vốn vay của Cơ quan Phát triển Pháp	
3	Dự án thành phần 1: Đường trục ngang khu du lịch biển Văn - Trị	0,50		0,50		Xã Thạch Văn	Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt BCNCKT của dự án cải thiện cơ sở hạ tầng cho các xã chịu ảnh hưởng của Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê, thực hiện Đề án phát triển bền vững kinh tế - xã hội các xã chịu ảnh hưởng của Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê - Giai đoạn 2 (Đề án 946)	
4	Đường giao thông trục chính xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà	2,40	2,40			Xã Lưu Vĩnh Sơn	Quyết định số 13572/QĐ-UBND, ngày 4/10/2021 của UBND huyện Thạch Hà.	
VI	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,3	0,3					
1	Đất sân vận động thôn Ninh	0,3	0,3			Thôn Ninh, xã Thạch Liên	Văn bản số 2314/UBND-KTHT ngày 14/11/2022 của UBND huyện Thạch Hà.	
VII	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,24	0,24					
1	Đất xây dựng trạm BTS của Viễn Thông	0,24	0,24			Các xã: Đinh Bàn, Lưu Vĩnh Sơn, Thạch Lạc, Thạch Long, Thạch Ngọc, Thạch Sơn, Thạch Trị, Thạch Văn, Thạch Xuân, Việt Tiến, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà	Quyết định số 1409/ QĐ-VTHT-KTĐT Ngày 5/11/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	
VIII	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,64	0,64					
1	Nhà văn hoá thôn Phú Quý	0,42	0,42			Thôn Phú Quý, xã Thạch Liên	Văn bản số 2314/UBND-KTHT ngày 14/11/2022 của UBND huyện Thạch Hà.	
5	Đất nhà văn hoá	0,22	0,22			Tổ dân phố 12, thị trấn Thạch Hà	Nghị quyết số 02 /NQ-HĐND ngày 11/01/2022 của Hội đồng nhân dân thị trấn Thạch Hà	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
IX	Đất ở tại nông thôn	13,12	13,12					
1	Đất ở nông thôn	0,32	0,32			Thôn Hoà Bình, Phúc Điền, xã Nam Điền	QH chi tiết đất ở dân cư do UBND huyện Thạch Hà phê duyệt ngày 28/12/2021;	
2	Đất ở nông thôn	1,14	1,14			Thôn Hanh, thôn Khang, thôn Thọ, xã Thạch Liên	QH chi tiết đất ở dân cư do UBND huyện Thạch Hà phê duyệt ngày 02/6/2010; QH chi tiết đất ở dân cư do UBND huyện Thạch Hà phê duyệt ngày 23/10/2018	
3	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Ngọc	0,8	0,8			Thôn Mỹ Châu, xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
4	Đất ở nông thôn	0,8	0,8			Thôn Trần Phú, xã Thạch Trị	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 phê duyệt ngày 05/11/2020	
5	Đất ở nông thôn	0,17	0,17			Thôn Tân Hợp, xã Thạch Sơn	Quy hoạch chi tiết vùng Trầm Đền, thôn Tân Hợp, xã Thạch Sơn ngày 10/8/2018, tỷ lệ 1/500	
6	Đất ở nông thôn	1,6	1,6			Thôn Mộc Hải, Quý Hải xã Thạch Ngọc	Quy hoạch chi tiết thôn Quý Hải, xã Thạch Ngọc, phê duyệt ngày 21/10/2019, tỷ lệ 1/500	
7	Đất ở nông thôn	1,52	1,52			Vùng Nương Xuông, thôn Tri Lễ, Vùng Nhà Máy, thôn Hoà Hợp, thôn Thượng Nguyên, vùng Nhà Chiên thôn Chi Lưu, thôn Tri Nang, xã Thạch Khê	QH đất ở chi tiết vùng Đồng Cao, Vùng nương xuông, vùng nhà văn hoá thôn Tri Lễ được UBND huyện phê duyệt ngày 14/11/2020, Bản đồ QH Tổng mặt bằng sử dụng đất được UBND huyện phê duyệt ngày 05/01/2020. Bản đồ Điều chỉnh QH xen dầm dân cư vùng ông nông, vùng xóm 2 và xóm 5 cũ thôn chi lưu được UBND huyện phê duyệt năm 2018.	
8	Đất ở nông thôn	1,3	1,3			Dọc sông Vách Nam, Thôn Nam Giang, xã Thạch Long	Quy hoạch tổng mặt bằng phê duyệt ngày 19/7/2019, tỷ lệ 1/500	
9	Đất ở nông thôn	0,31	0,31			Nhà Trênh thôn Hoà Bình, xã Thạch Thắng	Quy hoạch chi tiết 1/500 ngày 30 tháng 6 năm 2019	
10	Đất ở nông thôn	0,90	0,90			Thôn Đông Sơn, xã Thạch Xuân	Quy hoạch chi tiết được UBND huyện Thạch Hà phê duyệt ngày 26/9/2018	
11	Đất ở nông thôn	0,40	0,40			Thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	Quy hoạch chi tiết được UBND huyện Thạch Hà phê duyệt năm 2020	
12	Đất ở nông thôn	0,05	0,05			Thôn Thượng Phú, xã Tượng Sơn	Quy hoạch chi tiết được UBND huyện Thạch Hà phê duyệt ngày 24/10/2019	
13	Đất ở nông thôn	0,15	0,15			Thôn Hà Thanh, xã Tượng Sơn	Quy hoạch chi tiết được UBND huyện Thạch Hà phê duyệt ngày 15/11/2019	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
14	Đất ở nông thôn	1,5	1,5			Ông Quý Hoan, xã Đình Bàn	Quy hoạch chi tiết 1/500 phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2017	
15	Đất ở tái định cư đường Ngô Quyền	1	1			Xã Lưu Vĩnh Sơn	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
16	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Xuân (bổ sung diện tích)	0,43	0,43			Đồng Bông, thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
17	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Ngọc (bổ sung diện tích)	0,45	0,45			Đồng Cửa Trộc, thôn Ngọc Sơn, xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
18	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Tân Lâm Hương (bổ sung diện tích)	0,28	0,28			Đồng Vực, thôn Bình Tiến, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
X	Đất ở tại đô thị	2,18	2,18					
1	Đất ở tái định cư đường Ngô Quyền	1,25	1,25			Tổ dân phố 12, thị trấn Thạch Hà	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
2	Đất ở đô thị	0,93	0,93			Tổ dân phố 8, thị trấn Thạch Hà	Quy hoạch tổng mặt bằng tổ dân phố 8, thị trấn Thạch Hà phê duyệt năm 2021, tỷ lệ 1/500	
XI	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,88	0,88					
1	Khuôn viên UBND xã Thạch Ngọc	0,61	0,61			Thôn Mộc Hải, xã Thạch Ngọc		
2	Trụ sở Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh	0,27	0,27			Xã Tân Lâm Hương	Văn bản số 656/CV-PTTH ngày 24/10/2022 của Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh.	
37	Tổng A: 37 Danh mục	42,44	35,39	7,05				
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày								
I	Đất rừng phòng hộ	4,20	4,20					
1	Dự án bảo vệ nước thượng nguồn hồ Bộc Nguyên	4,20	4,20			Xã Nam Điền	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
II	Đất nông nghiệp khác	46,79	46,79					
1	Đất khu chăn nuôi tổng hợp	0,88	0,88			Thôn Tri Lễ, Hoà Hợp, Thượng Nguyên, xã Thạch Khê	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Đất nông nghiệp khác	2,96	2,96			các tổ dân phố, thị trấn Thạch Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Đất nông nghiệp khác	4,20	4,20			Thôn Nam Thắng, thôn Trung Phú, thôn Hoà Bình - xã Thạch Thắng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Đất nông nghiệp khác	7,00	7,00			Thôn Lộc Hồ, Trung Long, Hưng Hoà, xã Nam Điền	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
5	Đất nông nghiệp khác	6,00	6,00			Thống Nhất, Tùng Lâm, xã Nam Điền	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
6	Đất nông nghiệp khác	6,00	6,00			Thôn Quyết Tiến, thôn Đông Sơn, xã Thạch Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
7	Đất nông nghiệp khác	0,16	0,16			Thôn Vinh Thịnh, xã Thạch Lạc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
8	Đất nông nghiệp khác	4,00	4,00			Các thôn, xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
9	Đất nông nghiệp khác	1,66	1,66			Thôn Liên Mỹ, xã Thạch Hội	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
10	Đất nông nghiệp khác	2,61	2,61			Thôn Bắc Tiến, thôn Ngọc Sơn - xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
11	Đất nông nghiệp khác	0,32	0,32			Thôn Quyết Tiến, thôn Lộc Nội - xã Thạch Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
12	Đất nông nghiệp khác	7,50	7,50			Thôn Bùi Xá, Thống Nhất, Hòa Bình, Long Minh, Tân Long, Trung Trinh, Hưng Giang, Tùng Lang, Trầm - xã Việt Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
13	Chăn nuôi tập trung	3,50	3,50			Vùng Cồn Nậy, xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
III	Đất cụm công nghiệp	6,16	6,16					
1	Xưởng sản xuất gia công cơ khí tổng hợp Hatechco tại lô CN14 - Cụm công nghiệp Phù vệt huyện Thạch Hà	1,39	1,39			Cụm công nghiệp Phù Việt, xã Việt Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Nhà máy chế biến gỗ rừng trồng Thạch Hà tại cụm công nghiệp Phù Việt, xã Việt Tiến, huyện Thạch Hà	1,97	1,97			Cụm công nghiệp Phù Việt, xã Việt Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Vùng sản xuất các loại giống cây trồng, giới thiệu cung ứng vật tư nông sản	1,40	1,40			Đông Cồn Trầu, xã Việt Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Đất cụm công nghiệp	1,40	1,40			Thôn Bùi Xá, xã Việt Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
IV	Đất thương mại, dịch vụ	7,82	7,82					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Xây dựng nhà điều hành và trưng bày sản phẩm công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Bảo Phát	0,23	0,23			Tổ dân phố 12, thị trấn Thạch Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Đất TMDV Cửa hàng xăng dầu Thành An	0,45	0,45			Thôn Nam Thắng, xã Thạch Thắng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Đất thương mại dịch vụ	2,25	2,25			Thôn Hòa Bình, Trung Tiến, xã Việt Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Trung tâm thương mại dịch vụ khách sạn và văn phòng Việt Hải tại xã Thạch Long	1,50	1,50			Thôn Gia Ngải II, xã Thạch Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
5	Điều chỉnh dự án Trung tâm thương mại và kinh doanh tổng hợp Đại Bảng	0,50	0,50			Thôn Gia Ngải 1, Xã Thạch Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
6	Dự án Showroom trưng bày máy nông nghiệp của công ty TNHH TM tổng hợp và DV Huệ Minh	0,79	0,79			Thôn Gia Ngải 1, Xã Thạch Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
7	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Đại Hồng	0,25	0,25			Đông Le Le, thôn Yên Lạc, xã Thạch Thắng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
8	Kho thương mại Công ty cổ phần Sơn Nikko	0,23	0,23			Thôn Nam Bình, xã Thạch Đài	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
9	Dự án cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp BIN MART	0,40	0,40			Thôn Tân Lộc, xã Việt Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
10	Đất thương mại dịch vụ	0,30	0,30			Thôn Đại Đồng, xã Thạch Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
11	Mở rộng Công ty Tuấn Anh tại xã Thạch Đài	0,01	0,01			Xã Thạch Đài	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
12	Đất Thương Mại Dịch vụ	0,90	0,90			Thôn La Xá, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
13	Mở rộng đất thương mại dịch vụ Tuấn Đạt	0,01	0,01			Tổ dân phố 12, thị trấn Thạch Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
V	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,26	1,26					
1	XD Nhà máy nước	1,00	1,00			Thôn Quý Linh, xã Thạch Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Đất sản xuất kinh doanh	0,26	0,26			Thôn Bắc Văn, xã Thạch Văn	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
VI	Đất giao thông	13,24	13,24					
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường chợ Rú đi Quốc lộ 15 B	0,50	0,50			Thôn Vạn Đò, Tri Khê, xã Thạch Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ nhà ông Phạm Quế đi bãi Luỹ thôn Sông Tiến	0,07	0,07			Thôn Sông Tiến, Sơn Tiến, xã Thạch Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Mở rộng đường giao thông cầu cổ tuyến đi thôn Thống Nhất	0,80	0,80			Thôn Thống Nhất, xã Thạch Đài	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Nâng cấp, mở rộng đường nối Quốc lộ 1 tại ngã 3 Thạch Long đi đường tỉnh ĐT.549	0,34	0,34			Xã Thạch Long, Thạch Sơn huyện Thạch Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
5	Dự án thành phần 1: Đường trục ngang khu du lịch biển Văn Trị	0,90	0,90			Xã Thạch Văn, xã Thạch Trị	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
6	Dự án thành phần 3: Đường giao thông nông thôn xã Thạch Hải	0,32	0,32			Xã Thạch Hải	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
7	Dự án nâng cấp mở rộng đường huyện lộ ĐH 102	1,00	1,00			Xã Thạch Đài, xã Thạch Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
8	Đường Hàm Nghi kéo dài	8,80	8,80			Xã Thạch Đài, xã Thạch Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
9	Cầu Bàu Láng	0,06	0,06			Thôn Bàu Láng, xã Thạch Đài	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
10	Đường giao thông từ Quốc lộ 15B, xã Việt Tiến đến đường Thượng Ngọc, xã Thạch Ngọc	0,40	0,40			Xã Việt Tiến, xã Thạch Ngọc, huyện Thạch Hà	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
11	Đường giao thông tổ dân phố 9, thị trấn Thạch Hà	0,05	0,05			Thị trấn Thạch Hà	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
VII	Đất thủy lợi	11,83	11,83					
1	Kè sông Cày (2km)	1,00	1,00			Tổ Dân Phố 2,3, thị trấn Thạch Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Dự án Củng cố, nâng cấp tuyến đê Hữu Phù đoạn từ cầu Cửa Sốt đến núi Nam Giới, huyện Thạch Hà	1,94	1,94			Xã Đinh Bàn, huyện Thạch Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Cải tạo và nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu phục vụ SXNN và thoát lũ vùng Bắc Thạch Hà nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu (phần bổ sung tuyến nhánh số 01)	1,29	1,29			Xã Thạch Ngọc, xã Việt Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Dự án bồi thường, hỗ trợ và TĐC bảo vệ môi trường khu vực thượng nguồn và ven hồ Bộc Nguyên (gd2)	5,10	5,10			Xã Nam Điền	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5	Tiểu dự án thành phần Khắc phục, sửa chữa, nâng cấp tuyến đê Hữu Nghèn huyện Thạch Hà	2,50	2,50			Xã Thạch Kênh, xã Thạch Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
VIII	Đất công trình năng lượng	0,08	0,08					
1	Trạm Biến áp	0,08	0,08			Các xã Thạch Xuân, Ngọc Sơn, Việt Tiến, Thạch Đài Thạch Trị, Thạch Khê, Thạch Liên, Nam Điền, Lưu Vĩnh Sơn, Thạch Ngọc, Tân Lâm Hương, thị trấn Thạch Hà và Tượng Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
IX	Đất bãi thải, xử lý chất thải	5,84	5,84					
1	Nhà máy xử lý nước thải của Tiểu dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	0,30	0,30			Thị trấn Thạch Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Ngọc	0,17	0,17			Thôn Mỹ Châu, xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
3	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Ngọc	0,01	0,01			Thôn Ngọc Sơn, xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
4	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Ngọc, Việt Tiến	4,60	4,60			Thôn Đông Châu, xã Thạch Ngọc, xã Việt Tiến	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
5	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Đài	0,21	0,21			Thôn Bàu Láng, xã Thạch Đài	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
6	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao Tốc tại xã Thạch Đài	0,55	0,55			Thôn Liên Vinh, xã Thạch Đài	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
X	Đất cơ sở tôn giáo	5,27	5,27					
1	Xây dựng chùa Kênh Cạn	4,60	4,60			Xã Thạch Kênh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Mở rộng chùa Chi Lưu	0,67	0,67			Thôn Chi Lưu, xã Thạch Kênh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
XI	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	1,38	1,38					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Mở rộng nghĩa trang	0,20	0,20			Đập Mụ Bùa, thôn Tây Sơn, xã Đình Bàn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Khu nghĩa trang di dời do đường cao tốc tại xã Thạch Đài	0,28	0,28			Vùng Thát Lát, thôn Kỳ Sơn, xã Thạch Đài	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
3	Đất Nghĩa trang nghĩa địa	0,90	0,90			Thôn Trung Tiến, Hoà Bình, Thống Nhất, xã Việt Tiến	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
XII	Đất sinh hoạt cộng đồng	3,25	3,25					
1	Nhà văn hóa, sân bóng đá thôn Đông Hà 2	1,02	1,02			Thôn Đông Hà 2, xã Thạch Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Nhà văn hoá thôn Đông Sơn	0,95	0,95			Thôn Đông Sơn, xã Thạch Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Nhà văn hoá thôn Nam Thắng	0,30	0,30			Thôn Nam Thắng	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
4	Nhà văn hoá thôn Cao Thắng	0,53	0,53			Thôn Cao Thắng, xã Thạch Thắng	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
5	Nhà văn hoá thôn Trung Phú	0,45	0,45			Thôn Trung Phú, xã Thạch Thắng	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
XIII	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	5,03	5,03					
1	Khu vui chơi giải trí cho người già	0,38	0,38			Thôn Đan Trung, xã Thạch Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Khu dưỡng lão người già	4,65	4,65			Thôn Đồng Giang, xã Thạch Khê	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
XIV	Đất ở nông thôn	60,82	60,82					
1	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,07	0,07			Các thôn, xã Thạch Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,40	0,40			Các thôn, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Đất ở nông thôn	0,80	0,80			Thôn Yên Trung, Văn Bình, Tân Tiến, Hương Mỹ, Sơn Trinh, Phái Nam, Kỳ Các, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Đất ở nông thôn	0,35	0,35			Thôn Nam Bình, Bắc Thượng, xã Thạch Đài	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
5	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,10	0,10			Toàn xã, xã Đình Bàn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
6	Đất ở nông thôn	0,09	0,09			Thôn Thiên Thai và xen dầm các thôn, xã Lưu Vĩnh Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
7	Đất ở nông thôn	0,27	0,27			Thôn Nam Thắng, thôn Trung Phú, xã Thạch Thắng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
8	Đất ở nông thôn	1,60	1,60			Thôn Bình Dương, thôn Liên Quý, thôn Liên Phố, thôn Bắc Thai, thôn Liên Mỹ, xã Thạch Hội	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
9	Đất ở nông thôn	2,00	2,00			Thôn Ba Giang, thôn Phúc, thôn Việt Yên, thôn Trung Tiến xã Việt Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
10	Đất ở nông thôn	0,50	0,50			Vùng Mụ Cuồi, Trường Lái, Cơn Lã, Bà Trạ, thôn Ngọc Sơn, xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
11	Đất ở nông thôn	0,43	0,43			Thôn Trung Lạc, Thôn Quyết Tiến, xã Thạch Lạc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
12	Đất ở nông thôn	0,70	0,70			Thôn Sơn Tiến, xã Thạch Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
13	Đất ở nông thôn	0,78	0,78			Vùng Gường Trung, thôn Hà Thanh, thôn Sâm Lộc, vùng Cồn Mới, Địa Seo, thôn Đoài Phú, và xen dầm các thôn, xã Tượng Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
14	Đất ở nông thôn	0,41	0,41			Thôn Kim Sơn, xã Lưu Vĩnh Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
15	Đất ở nông thôn (xen dầm)	0,31	0,31			Thôn Đông Sơn, Đông Sơn, Lộc Nội - xã Thạch Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
16	Đất ở nông thôn	0,54	0,54			Thôn Hòa Bình, xã Nam Điền	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
17	Đất ở nông thôn	1,44	1,44			Thôn La Xá, Kỳ Các, Bình Tiến, Phái Nam - xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
18	Đất ở nông thôn	0,36	0,36			Thôn Phúc Thanh, Đan Khê, Thanh Lan, Đồng Giang, Tân Phúc, Tân Hương, Vĩnh Tiến - xã Thạch Khê	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
19	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,05	0,05			Thôn Phú Quý, xã Thạch Liên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
20	Đất ở nông thôn (xen dăm)	0,29	0,29			Thôn Cao Thắng, Nam Thắng, Trung Phú - xã Thạch Thắng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
21	Đất ở nông thôn	0,72	0,72			Thôn Hà Thanh, xã Tượng Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
22	Đất ở Tổ 9 thôn Trường Xuân	0,44	0,44			Thôn Trường Xuân, xã Đình Bàn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
23	Đất ở nông thôn	0,20	0,20			Vùng Đồng Ông Bộ, thôn Tri Lễ, xã Thạch Khê	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
24	Đất ở nông thôn	0,40	0,40			Đồng Đàng, thôn Lợi xã Thạch Liên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
25	Đất ở nông thôn	0,50	0,50			Vùng Nhà Xăng, thôn Ninh, xã Thạch Liên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
26	Đất ở Cửa Hoà Thôn Phú	0,17	0,17			Thôn Phú Quý, xã Thạch Liên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
27	Đất ở nông thôn	2,00	2,00			Vùng Ao đen thôn Đông châu xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
28	Đất ở nông thôn	0,73	0,73			Thôn Hòa Bình, xã Nam Điền	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
29	Đất ở nông thôn	0,32	0,32			Thôn Yên Thượng, (thôn Tiến Môn cũ), xã Nam Điền	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
30	Đất ở nông thôn	0,25	0,25			Thôn Trung Hòa, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
31	Đất ở vùng hội quán thôn Trung Hòa, Ngõ Phụng	1,10	1,10			Thôn Trung Hòa, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
32	Thu hồi đất, bồi thường GPMB tạo quỹ đất sạch hai bên đường Hàm Nghi để đấu giá đất	7,50	7,50			Xã Thạch Đài	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
33	Đất ở vùng HL3 thôn Nam Văn,	0,65	0,65			Thôn Nam Văn, xã Thạch Văn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
34	Đất ở nông thôn	1,00	1,00			Đường 15B Trẹm Pooc, tổ 19, thôn Trường Xuân, xã Đình Bàn (xã Thạch Đình cũ)	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
35	Đất ở nông thôn	0,20	0,20			Lồi Ao, thôn Trần Phú, xã Thạch Trị	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
36	Đất ở nông thôn	1,00	1,00			Đồng Khấp, thôn Bắc trị, xã Thạch Trị	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
37	Đất ở nông thôn	0,90	0,90			Đồng Bà Hơi, thôn Khe Giao II, xã Ngọc Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
38	Đất ở nông thôn	1,20	1,20			Nam Cầu Nga, thôn Gia Ngãi 1, xã Thạch Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
39	Đất ở dọc đường TL 26 (T. Đồng Giang)	0,40	0,40			Phía Tây, phía Nam Thôn Đồng Giang, xã Thạch Khê	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
40	Dự án Chợ, hạ tầng đất ở nông thôn	6,25	6,25			Thôn 17, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
41	Đất ở nông thôn	4,15	4,15			Thôn Hà Thanh, xã Tượng Sơn (tờ DC26)	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
42	Đất ở nông thôn	0,39	0,39			Thôn Kim Sơn, xã Lưu Vĩnh Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
43	Đất ở nông thôn	0,40	0,40			Thôn Kỳ Các, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
44	Đất ở nông thôn	0,26	0,26			Thôn Đồng Giang, xã Thạch Khê	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
45	Đất ở nông thôn	0,06	0,06			Thôn Long Tiến, xã Thạch Khê	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
46	Đất ở nông thôn	0,15	0,15			Thôn Mỹ Châu, xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
47	Đất ở nông thôn	0,38	0,38			Thôn Nam Bình, xã Thạch Đài	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
48	Đất ở nông thôn	1,17	1,17			Thôn Nam Thượng, xã Thạch Đài	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
49	Đất ở nông thôn	3,40	3,40			Thôn Phú Sơn, xã Tượng Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
50	Đất ở nông thôn	0,80	0,80			Thôn Thiên Thai, xã Lưu Vĩnh Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
51	Đất ở nông thôn	0,18	0,18			Thôn Vĩnh Mới, xã Việt Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
52	Đất ở nông thôn	0,25	0,25			Thôn Nam Sơn (Trường Ngọc cũ), xã Ngọc Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
53	Đất ở khu trung tâm	1,30	1,30			Thôn Vĩnh An, xã Lưu Vĩnh Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
54	Đất ở nông thôn	0,08	0,08			Thôn Xuân Sơn, xã Lưu Vĩnh Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
55	Đất ở nông thôn	0,12	0,12			Thôn Yên Nghĩa, xã Lưu Vĩnh Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
56	Đất ở nông thôn (xen dăm) cũ xã Thạch Đình	0,10	0,10			Toàn xã, xã Đình Bàn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
57	Đất ở nông thôn	0,35	0,35			Vùng Đồng Làng, thôn Yên Lạc, xã Thạch Thắng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
58	Đất ở nông thôn	1,50	1,50			Vùng Ngõ Phụng, thôn Trung Hòa, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
59	Đất ở nông thôn	0,35	0,35			Thôn Nguyên, xã Thạch Liên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
60	Đất ở nông thôn	0,35	0,35			Thôn Cao Thắng, xã Thạch Thắng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
61	Đất ở nông thôn	0,12	0,12			thôn Phúc Điền, xã Nam Điền	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
62	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Xuân	0,34	0,34			Đồng Bông, thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
63	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Ngọc	1,10	1,10			Đồng Cửa Trộc, thôn Ngọc Sơn, xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
64	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Lưu Vĩnh Sơn	4,03	4,03			Đồng Cửa Trưa, thôn Vĩnh Cát, xã Lưu Vĩnh Sơn	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
65	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Tân Lâm Hương	0,30	0,30			Đồng Vực, thôn Bình Tiến, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
66	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Tân Lâm Hương	0,90	0,90			Đồng Dung, thôn Văn Bình, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
67	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Nam Điền	0,62	0,62			Xã Nam Điền	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
68	Quỹ đất thanh toán cho dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV	0,25	0,25			Tân Lâm hương, Thạch Đài	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
XV	Đất ở đô thị	4,50	4,50					
1	Đất ở tại định cư AFD	3,00	3,00			Đồng Xối, TDP 10, thị trấn Thạch Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Đất ở đô thị	1,50	1,50			Tổ dân phố 9, TDP10, thị trấn Thạch Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
XVI	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,60	0,60					
1	Quy hoạch trụ sở Toà án Nhân dân huyện Thạch Hà	0,60	0,60			Tổ dân phố 7, thị trấn Thạch Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
XVII	Đất cơ sở tín ngưỡng	1,75	1,75					
1	Mở rộng Miếu Mây, xã Lưu Vĩnh Sơn	1,75	1,75			Thôn Vĩnh Trung, xã Lưu Vĩnh Sơn	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
140	Tổng B: 140 Danh mục	179,82	179,82					
177	Tổng A+B: 177 Danh mục	222,26	215,21	7,05				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 2.6. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN CẨM XUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Đất nuôi trồng thủy sản	6,70	6,70					
1	Đất nuôi trồng thủy sản thôn Quốc Tuấn	2,70	2,70			Xã Cẩm Mỹ	Kết luận 333/KL-UBND ngày 09/9/2021 v/v Thanh tra việc giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền tại địa bàn huyện Cẩm Xuyên	
2	Đất nuôi trồng thủy sản thôn Trung Nam	4,00	4,00			Xã Cẩm Thành	Kết luận 333/KL-UBND ngày 09/9/2021 v/v Thanh tra việc giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền tại địa bàn huyện Cẩm Xuyên	
II	Đất nông nghiệp khác	9,33	9,33					
1	Trang trại tổng hợp (vùng dưới kênh N1, thôn Tân Mỹ)	2,75	2,75			Xã Cẩm Duệ	Kết luận 333/KL-UBND ngày 09/9/2021 v/v Thanh tra việc giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền tại địa bàn huyện Cẩm Xuyên	
2	Trang trại tổng hợp (vùng đồng Mụ Sợ, thôn Trung Thành)	3,00	3,00			Xã Cẩm Duệ	Kết luận 333/KL-UBND ngày 09/9/2021 v/v Thanh tra việc giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền tại địa bàn huyện Cẩm Xuyên	
3	Trang trại tổng hợp (vùng Sơn Cước, thôn Tân Mỹ)	1,50	1,50			Xã Cẩm Duệ	Kết luận 333/KL-UBND ngày 09/9/2021 v/v Thanh tra việc giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền tại địa bàn huyện Cẩm Xuyên	
4	Trang trại tổng hợp (vùng gần nhà ông Phạm Văn Thành, thôn Tân Mỹ)	1,08	1,08			Xã Cẩm Duệ	Kết luận 333/KL-UBND ngày 09/9/2021 v/v Thanh tra việc giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền tại địa bàn huyện Cẩm Xuyên	
5	Trang trại tổng hợp vùng gần lò mổ, thôn Trung Thành	1,00	1,00			Xã Cẩm Duệ	Kết luận 333/KL-UBND ngày 09/9/2021 v/v Thanh tra việc giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền tại địa bàn huyện Cẩm Xuyên	
III	Đất xây dựng cơ sở y tế	1,00	1,00					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Mở rộng Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên	1,00	1,00			Thị trấn Cẩm Xuyên	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 06/11/2021 của HĐND tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên	
IV	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,83	0,83					
1	Mở rộng trường THCS Minh Lạc	0,40	0,40			Xã Cẩm Lạc	Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 08/07/2022 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023	
2	Trường tiểu học Cẩm Lộc	0,43	0,43			Xã Cẩm Lộc	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công	
V	Đất giao thông	10,50	10,20	0,30				
1	Nâng cấp đường trục xã Cẩm Huy Cũ, đoạn từ QL1A đi ĐH 131	0,45	0,45			Thị trấn Cẩm Xuyên	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công	
2	Nâng cấp, mở rộng đường Phạm Lê Đức	0,10	0,10			Thị trấn Cẩm Xuyên	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công	
3	Nâng cấp đường vành đai 1, thị trấn Cẩm Xuyên	0,90	0,90			Thị trấn Cẩm Xuyên	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công	
4	Nâng cấp đường huyện ĐH 131 (Thạch Bình - Cẩm Thăng)	2,10	2,10			Xã Cẩm Bình, Cẩm Quang, TT Cẩm Xuyên	Nghị quyết 110/NQ-HĐND ngày 17/05/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên v/v quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công năm 2021	
5	Nâng cấp đường huyện ĐH 132 (Cẩm Hưng - Cẩm Lộc)	2,20	2,20			Xã Cẩm Hưng, Cẩm Thịnh, Cẩm Hà, Cẩm Lộc	Nghị quyết 110/NQ-HĐND ngày 17/05/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên v/v quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công năm 2021	
6	Nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn phục vụ SX nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản kết hợp bảo vệ rừng thôn Trung Tiến	0,30		0,30		Xã Cẩm Dương	Vốn WB và vốn đối ứng theo Quyết định phê duyệt 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019	
7	Nâng cấp tuyến đường giao thông phục vụ sản xuất thôn 3, 6 xã Cẩm Lĩnh (Lạc An - Xứ Bực, thôn 6)	0,60	0,60			Xã Cẩm Lĩnh	Vốn WB và vốn đối ứng theo Quyết định phê duyệt 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
8	Hạ tầng đường giao thông trong khu dân cư thôn 5 (vùng gần nhà anh Triều)	0,40	0,40			Xã Cẩm Minh	Quyết định số 5460/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 về Quy hoạch chi tiết đất ở	
9	Nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất thôn 4,7 xã Cẩm Minh, huyện Cẩm Xuyên	0,75	0,75			Xã Cẩm Minh	Vốn WB và vốn đối ứng theo Quyết định phê duyệt 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019	
10	Nâng cấp đường Cẩm Quan - Cẩm Duệ	0,90	0,90			Xã Cẩm Quan, Cẩm Duệ	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công	
11	Nâng cấp đường trục xã từ trung tâm xã đi kênh N1	0,80	0,80			Xã Cẩm Sơn	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công	
12	Nâng cấp đường Cẩm Sơn - Cẩm Thịnh (đường tránh lũ)	1,00	1,00			Xã Cẩm Sơn, xã Cẩm Thịnh	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Cẩm Xuyên về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công	
VI	Đất công trình năng lượng	0,15	0,15					
1	Xây dựng tuyến 481 sau TBA 110kv Hà Tĩnh kết nối với đường dây 471E18.9 TBA 110kv Cẩm Xuyên	0,13	0,13			Xã Cẩm Vĩnh, xã Cẩm Bình	Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 31/08/2022 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình tuyến 481	
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 22kV tỉnh Hà Tĩnh theo phương pháp đa chia - đa nối	0,02	0,02			Xã Yên Hòa	Quyết định 1289/QĐ-PCHT ngày 30/7/2022 của Công ty Điện lực Hà Tĩnh về việc phê duyệt BCKTKT đầu tư xây dựng công trình Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 22kV	
VII	Đất di tích lịch sử - văn hóa	2,30		2,30				
1	Mở rộng khu mộ cổ tổng bí thư Hà Huy Tập	2,30		2,30		Xã Cẩm Hưng	Công văn số 705-CV/TU ngày 26/11/2021 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về trùng tu, tôn tạo khu lưu niệm Tổng bí thư Trần Phú và Tổng bí thư Hà Huy Tập	
VIII	Đất ở tại nông thôn	25,59	25,59					
1	Đất ở khu trung tâm xã Cẩm Bình	6,30	6,30			Xã Cẩm Bình	Văn bản số 2225/UBND-XD1 ngày 05/05/2022 của UBND tỉnh về việc soát xét, tham mưu về đề xuất lập quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Đông Nam Lý, xã Cẩm Bình	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Đất ở đồng Nương Cộ Ngoài (thôn Nguyễn Đồi)	0,60	0,60			Xã Cẩm Hà	Quyết định số 4878/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết đất ở	
3	Đất ở vùng gần chợ ông Khoa (thôn Đông Tây Xuân)	0,10	0,10			Xã Cẩm Hà	Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 về quy hoạch chi tiết đất ở	
4	Đất ở vùng gần trường mầm non (thôn Minh Lộc)	0,35	0,35			Xã Cẩm Lộc	Bản vẽ quy hoạch dân cư thôn 4,5 cũ (thôn Minh Lộc) do UBND huyện phê duyệt	
5	Đất ở thôn 5 (vùng gần nhà anh Triều)	0,40	0,40			Xã Cẩm Minh	Quyết định số 5460/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 về Quy hoạch chi tiết đất ở	
6	Đất ở thôn Vĩnh Phú, Thanh Mỹ, Thượng Long	0,50	0,50			Xã Cẩm Quan	Quyết định số 5103/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND huyện v/v phân lô đất ở khu dân cư nông thôn	
7	Khu dân cư và thương mại dịch vụ Cẩm Quang	8,80	8,80			Xã Cẩm Quang	Văn bản số 8838/UBND-XD1 ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc xem xét tham mưu về đề xuất lập quy hoạch khu dân cư tại xã Cẩm Quang	
8	Đất ở vùng Phúc Sơn (đầu giá)	0,24	0,24			Xã Cẩm Sơn	Quyết định số 4815/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND huyện v/v thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án: quy hoạch đất ở vùng Khoai Bọp Gát thôn 7 (nay là thôn Phúc Sơn)	
9	Đất ở vùng Lĩnh Sơn (đầu giá)	0,24	0,24			Xã Cẩm Sơn	Quyết định số 1984/QĐ-UBND 08/05/2018 về QH chi tiết khu dân cư	
10	Đất ở thôn Bộc Nguyễn	0,15	0,15			Xã Cẩm Thạch	Quyết định số 4743/QĐ-UBND ngày 09/09/2022 về quy hoạch chi tiết đất ở	
11	Đất ở, kết hợp TMDV vùng Ổ Gà dưới (thôn Đông Hạ, Tam Đông)	7,00	7,00			Xã Cẩm Vĩnh	Văn bản số 4479/UBND-XD1 ngày 15/08/2022 của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Đông Hạ, xã Cẩm Vĩnh	
12	Đất ở vùng gần sân thể thao thôn 5 cũ (thôn Hưng Quang)	0,21	0,21			Xã Nam Phúc Thăng	Quyết định số 5059/QĐ-UBND ngày 22/09/2022 về phê duyệt quy hoạch đất ở chi tiết	
13	Đất ở vùng gần nhà bà Hồng (thôn Nam Yên)	0,30	0,30			Xã Nam Phúc Thăng	Quyết định số 5059/QĐ-UBND ngày 22/09/2022 về phê duyệt quy hoạch đất ở chi tiết	
14	Đất ở thôn Bình Thọ	0,40	0,40			Xã Yên Hòa	Quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 về quy hoạch chi tiết đất ở	
IX	Đất ở tại đô thị	0,53	0,53					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất ở vùng Hoang Chính, TDP 1	0,20	0,20			Thị trấn Cẩm Xuyên	Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND huyện v/v phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phân lô đất ở dân cư tại vùng gần kênh N4, TDP 01, thị trấn Cẩm Xuyên	
2	Đất ở vùng nhà ông Nhiên (TDP Tân Phú)	0,18	0,18			Thị trấn Thiên Cầm	Quyết định số 5057/QĐ-UBND ngày 22/09/2022 về quy hoạch chi tiết phân lô đất ở	
3	Đất ở vùng nhà ông Việp (TDP Trần Phú)	0,15	0,15			Thị trấn Thiên Cầm	Quyết định số 5057/QĐ-UBND ngày 22/09/2022 về quy hoạch chi tiết phân lô đất ở	
X	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,34	0,34					
1	Nhà văn hoá thôn Đại Tăng	0,14	0,14			Xã Cẩm Thạch	Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 06/08/2021 về quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất nhà văn hóa thôn Đại Tăng	
2	Nhà văn hóa TDP 9	0,20	0,20			Thị trấn Cẩm Xuyên	Văn bản số 1564/UBND-KTHT ngày 04/6/2021 của UBND huyện về việc quy hoạch Nhà văn hóa các TDP 4; 6; 9, 15 thị trấn Cẩm Xuyên	
44	Tổng A: 44 Danh mục	57,27	54,67	2,60				
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023								
I	Đất nuôi trồng thủy sản	6,70	6,70					
1	Đất nuôi trồng thủy sản xứ đồng Tráng, thôn Trung Thịnh	0,70	0,70			Xã Cẩm Trung	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
2	Đất nuôi trồng thủy sản kết hợp chăn nuôi gia cầm vùng Kênh N6, thôn Đông Đoài (thôn 7A cũ)	3,50	3,50			Xã Nam Phúc Thăng	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
3	Đất nuôi trồng thủy sản vùng Bãi Rào, thôn Phúc Trung (thôn 3 cũ)	2,00	2,00			Xã Nam Phúc Thăng	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
4	Đất nuôi trồng thủy sản vùng Cựa Tiền, thôn Vĩnh Phúc	0,50	0,50			Xã Nam Phúc Thăng	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
II	Đất thương mại, dịch vụ	5,04	5,04					
1	Quỹ tín dụng nhân dân xã, thôn Đông Nam Lý	0,10	0,10			Xã Cẩm Bình	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Quỹ tín dụng nhân dân xã Cẩm Duệ (thôn Ái Quốc)	0,05	0,05			Xã Cẩm Duệ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3	Trạm dừng nghỉ	3,40	3,40			Xã Cẩm Hưng	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
4	Đất thương mại, dịch vụ Nam Chợ Biền, thôn Yên Lạc	0,09	0,09			Xã Cẩm Lạc	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
5	Đất thương mại dịch vụ, thôn 7 (Xăng dầu Cẩm Quang)	0,74	0,74			Xã Cẩm Quang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Đất thương mại dịch vụ, thôn 10 (Xăng dầu Cẩm Quang)	0,50	0,50			Xã Cẩm Quang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Quỹ tín dụng nhân dân xã Cẩm Vịnh thôn Yên Khánh	0,16	0,16			Xã Cẩm Vịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
III	Đất sản xuất kinh doanh	0,94	0,94					
1	Trụ sở điều hành của Nhà máy nước Nam Cẩm Xuyên và trạm bơm tăng áp (tại vùng Đập Bóm, thôn Hương Sơn, xã Cẩm Sơn)	0,94	0,94			Xã Cẩm Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IV	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	4,78	4,78					
1	Mở rộng Trường mầm non Cẩm Hà	0,15	0,15			Xã Cẩm Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Trường Tiểu học Cẩm Hưng (thôn Thăng Thành)	2,87	2,87			Xã Cẩm Hưng	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
3	Mở rộng trường mầm non xã Cẩm Minh	0,46	0,46			Xã Cẩm Minh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
4	Xây dựng mới Trường Mầm Non xã Cẩm Quan tại thôn Thanh Sơn (điều chỉnh sang vị trí mới)	1,10	1,10			Xã Cẩm Quan	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Mở rộng trường Tiểu học Cẩm Thành (thôn Đông Bầu)	0,20	0,20			Xã Cẩm Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
V	Đất giao thông	0,78	0,78					
1	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ QL8C	0,58	0,58			TT Thiên Cẩm, xã Nam Phúc Thăng, TT Cẩm Xuyên	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
2	Nâng cấp tuyến đường giao thông phục vụ sản xuất từ đường Hưng Hà đến thôn Nguyễn Đồi, xã Cẩm Hà	0,20	0,20			Xã Cẩm Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VI	Đất thủy lợi	1,41	1,41					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Dự án tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng hạ du công trình thủy lợi Kê Gổ, tỉnh Hà Tĩnh (đoạn qua huyện Cẩm Xuyên)	1,26	1,26			Xã Cẩm Duệ, Cẩm Hưng, Cẩm Mỹ, Cẩm Nhượng, Cẩm Quan, Cẩm Quang, TT. Cẩm Xuyên, Thị trấn Thiên Cẩm, Yên Hòa, Cẩm Bình	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Dự án nâng cấp tuyến mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ kênh N6 đến xứ đòng Sắn, xã Cẩm Hà	0,15	0,15			Xã Cẩm Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VII	Đất công trình năng lượng	1,24	1,24					
1	Đường dây 500KV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu (Đường dây 500kV Nhiệt điện Vũng Áng 3 – Quỳnh Lập), đoạn qua huyện Cẩm Xuyên)	0,75	0,75			Các xã: Cẩm Minh, Cẩm Lạc, Cẩm Sơn, Cẩm Thịnh, Cẩm Hưng, Cẩm Quan, Cẩm Mỹ, Cẩm Duệ, Cẩm Thạch	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
2	Mạch vòng 22kV TBA 110kV Cẩm Xuyên (E18.9) và TBA 110KV Thạch Linh (E 18.1) huyện Cẩm Xuyên và thành phố Hà Tĩnh	0,05	0,05			Thị trấn Cẩm Xuyên, Cẩm Quang, Cẩm Bình,	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Cải tạo mạch vòng 35kV giữa TBA 110kV Kỳ Anh và TBA 110kV Cẩm Xuyên	0,17	0,17			Xã Cẩm Minh, Cẩm Lạc, Cẩm Lộc, Cẩm Thịnh, Cẩm Trung, Cẩm Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Dự án Mạch vòng 22 kV TBA 110 kV Cẩm Xuyên (E18.9) và TBA 110 kV Thạch Linh; (E18.1)-huyện Cẩm Xuyên và thành phố Hà Tĩnh	0,07	0,07			Xã Cẩm Quang, Cẩm Thành, Cẩm Bình, Cẩm Vĩnh và TT. Cẩm Xuyên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5	Xây dựng DZ, TBA giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp khu vực huyện Cẩm Xuyên	0,20	0,20			Xã Cẩm Vĩnh, Cẩm Thành, Cẩm Trung, Cẩm Lạc, Cẩm Thịnh, Cẩm Lĩnh, Cẩm Duệ, Cẩm Lộc, Cẩm Hà, Cẩm Thạch,	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VIII	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,08	0,08					
1	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn 4	0,04	0,04			Xã Cẩm Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Trạm BTS mạng di động Vinaphone tại thôn 2	0,04	0,04			Xã Cẩm Quang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IX	Đất ở tại nông thôn	39,22	39,22					
1	Đất ở vùng gần nhà ông Quyền, thôn Bình Minh; vùng tuyến 2 quốc lộ 1, thôn Tân An	0,03	0,03			Xã Cẩm Bình	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Đất ở giáp đường 26/3, thôn Bình Quang (thôn Trung trạm cũ)	0,60	0,60			Xã Cẩm Bình	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Đất ở dân cư vùng Hạ Bài thôn Bình Minh, thôn Yên Bình (thôn Bắc Tiến cũ)	0,35	0,35			Xã Cẩm Bình	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Đất ở thôn Đông Vinh, thôn Vinh Thái, thôn Bình Minh, thôn Bình Quang (thôn Quang Châu, thôn Trung Trạm cũ), thôn Đông Trung, thôn Yên Bình (thôn Bắc Tiến, thôn Nam Tiến cũ), thôn Bình Luật, thôn Tân An, thôn Đông Nam Lý	0,30	0,30			Xã Cẩm Bình	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Đất ở vùng Miệu, thôn Thống Nhất	0,15	0,15			Xã Cẩm Duệ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Đất ở vùng đường Duệ - Thạch	0,50	0,50			Xã Cẩm Duệ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Đất ở vùng Bàu Rầy, thôn Phú Thượng	0,10	0,10			Xã Cẩm Duệ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
8	Đất ở xen dăm toàn xã	0,10	0,10			Xã Cẩm Duệ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
9	Tái định cư cao tốc, thôn Thống Nhất	2,75	2,75			Xã Cẩm Duệ	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
10	Đất ở vùng gần Cầu Bến Voi và nhà văn hóa cũ thôn Quang Trung	0,68	0,68			Xã Cẩm Duệ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
11	Đất ở thôn Trung Dương, Trung Tiến (đầu giá)	1,20	1,20			Xã Cẩm Dương	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
12	Đất ở vùng gần nhà ông Nghĩa, thôn Nguyễn Đồi, Đồng Xuân, thôn Vinh Lộc	0,04	0,04			Xã Cẩm Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
13	Đất ở tại nông thôn vùng Nuong Cộ và vùng gần nhà ông Dương Nhi, thôn Nguyễn Đồi	0,19	0,19			Xã Cẩm Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
14	Đất ở vùng Kênh Bắc, thôn Hưng Tiến	0,42	0,42			Xã Cẩm Hưng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
15	Đất ở thôn Hưng Dương	0,02	0,02			Xã Cẩm Hưng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
16	Đất ở vùng dọc đường Trung Lạc, thôn Yên Lạc	0,85	0,85			Xã Cẩm Lạc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
17	Đất ở xen dăm thôn Đình Phùng	0,10	0,10			Xã Cẩm Lạc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
18	Tái định cư cao tốc, thôn Hưng Đạo, thôn Lạc Thọ, thôn Hà Văn	3,14	3,14			Xã Cẩm Lạc	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
19	Đất ở thôn 4	1,00	1,00			Xã Cẩm Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
20	Đất ở thôn 3	0,90	0,90			Xã Cẩm Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
21	Đất ở thôn 1	0,50	0,50			Xã Cẩm Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
22	Giao đất tái định cư vùng sạt lở nguy hiểm, thôn 1	0,20	0,20			Xã Cẩm Lĩnh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
23	Tái định cư cao tốc, thôn 1	2,17	2,17			Xã Cẩm Minh	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
24	Đất ở vùng đồng Trầm Cừ, thôn 5 (các hộ ảnh hưởng đường cao tốc)	0,50	0,50			Xã Cẩm Minh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
25	Đất ở nông thôn thu hồi của công ty Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh, thôn Mỹ Am	0,50	0,50			Xã Cẩm Quan	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
26	Đất ở vùng nhà anh Hán Kiên - anh Hải, thôn Thiện Nộ	0,15	0,15			Xã Cẩm Quan	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
27	Đất ở (vùng gần nhà anh Quang) thôn Thanh Mỹ	0,30	0,30			Xã Cẩm Quan	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
28	Đất ở vùng sau Nhà Tuyển Liệu, thôn Vinh Phú	0,15	0,15			Xã Cẩm Quan	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
29	Đất ở đường Quang Yên Hòa, thôn 5, thôn 6	0,40	0,40			Xã Cẩm Quang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
30	Đất ở vùng thôn 9	0,25	0,25			Xã Cẩm Quang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
31	Đất ở vùng thôn 2,3	0,20	0,20			Xã Cẩm Quang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
32	Đất ở vùng đồng Đường Quan	0,24	0,24			Xã Cẩm Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
33	Tái định cư cao tốc, thôn Thượng Sơn	2,03	2,03			Xã Cẩm Sơn	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
34	Đất ở nông thôn, thôn Cẩm Đồng	0,04	0,04			Xã Cẩm Thạch	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
35	Đất ở thôn Mỹ Thành	0,70	0,70			Xã Cẩm Thạch	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
36	Đất ở thôn Đại Tăng	0,35	0,35			Xã Cẩm Thạch	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
37	Đất ở thôn Mỹ Thành	0,40	0,40			Xã Cẩm Thạch	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
38	Đất ở thôn Na Trung	0,63	0,63			Xã Cẩm Thạch	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
39	Tái định cư cao tốc, thôn Na Trung	1,81	1,81			Xã Cẩm Thạch	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
40	Đất ở thôn An Việt	0,10	0,10			Xã Cẩm Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
41	Đất ở thôn Nam Bắc Thành	0,20	0,20			Xã Cẩm Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
42	Đất ở thôn Kênh	0,30	0,30			Xã Cẩm Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
43	Đất ở thôn Tân Vĩnh Cần	0,30	0,30			Xã Cẩm Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
44	Đất ở thôn Hưng Mỹ	0,30	0,30			Xã Cẩm Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
45	Đất ở thôn Đông Nam Lộ	0,30	0,30			Xã Cẩm Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
46	Đất ở thôn Đồng Bàu	0,20	0,20			Xã Cẩm Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
47	Đất ở thôn Đông Mỹ	0,18	0,18			Xã Cẩm Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
48	Đất ở thôn Lai Trung	0,32	0,32			Xã Cẩm Thịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
49	Tái định cư cao tốc, thôn 5 thôn Hoàng Sơn (thôn 5 cũ), thôn Sơn Nam	1,00	1,00			Xã Cẩm Thịnh	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	
50	Đất ở vùng Ràng Vịt thôn trung Thành	0,70	0,70			Xã Cẩm Trung	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
51	Đất ở vùng Con Hòe, Thôn Tam Trung và Vùng Ô Ga dưới - thôn Đông Hạ	1,00	1,00			Xã Cẩm Vịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
52	Đất ở thôn Đông Vịnh kết hợp thương mại, dịch vụ vùng Chà Moi, thôn Đông Vịnh	0,80	0,80			Xã Cẩm Vịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
53	Dự án Hạ tầng khu dân cư đô thị và thương mại - dịch vụ Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên	6,98	6,98			Xã Cẩm Vịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
54	Đất ở vùng Nuong Mụ, thôn Ngụ Phúc	0,70	0,70			Xã Cẩm Vịnh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
55	Đất ở thôn Tây Nguyên, Yên Thành, Nam Thành, Tiến Hưng, Tây Đồng, Trung Bá, Đông Khê	0,60	0,60			Xã Nam Phúc Thăng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
56	Đất ở thôn Minh Lạc	0,30	0,30			Xã Yên Hòa	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
X	Đất ở tại đô thị	0,85	0,85					
1	Đất ở tổ dân phố 7 (gần nhà ông Thành)	0,15	0,15			Thị trấn Cẩm Xuyên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Đất ở Vùng TDP Nhân Hòa	0,70	0,70			Thị trấn Thiên Cẩm	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XI	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,44	0,44					
1	Mở rộng trụ sở Trung tâm quản lý nước sạch huyện Cẩm Xuyên	0,15	0,15			Thị trấn Cẩm Xuyên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Xây dựng trụ sở Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên	0,29	0,29			Thị trấn Cẩm Xuyên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XII	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1,91	1,91					
1	Mở rộng nghĩa trang Cửa Thờ, TDP 4 (Nghĩa trang tổ dân phố 4)	1,91	1,91			Thị trấn Cẩm Xuyên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XIII	Đất sinh hoạt cộng đồng	1,64	1,64					
1	Nhà văn hóa thôn Thống Nhất	0,80	0,80			Xã Cẩm Duệ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Mở rộng nhà văn hóa thôn Trung Nam	0,05	0,05			Xã Cẩm Thành	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Mở rộng nhà văn hóa TDP 16	0,09	0,09			Thị trấn Cẩm Xuyên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Nhà văn hóa thôn 2	0,15	0,15			Xã Nam Phúc Thăng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Nhà văn hóa thôn 5	0,15	0,15			Xã Nam Phúc Thăng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Nhà văn hóa thôn 4	0,10	0,10			Xã Nam Phúc Thăng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Nhà văn hóa thôn Yên Giang	0,10	0,10			Xã Yên Hòa	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
8	Nhà văn hóa thôn Yên Quý	0,10	0,10			Xã Yên Hòa	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
9	Nhà văn hóa thôn Minh Lạc	0,10	0,10			Xã Yên Hòa	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
98	Tổng B: 98 Danh mục	65,03	65,03					
142	Tổng: 142 Danh mục	122,30	119,70	2,60				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2.7. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN HƯƠNG SƠN**
(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Đất giao thông	0,30	0,30					
1	Đường giao thông thôn 3 đến thôn 5	0,30	0,3			xã Sơn Giang	QĐ số 57/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND xã Sơn Giang (V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông nội đồng từ thôn 3 đến thôn 5 xã Sơn Giang)	
II	Đất thủy lợi	0,30	0,30					
1	Xây dựng hệ thống kênh Cầu Động đập Ngàn Trươi	0,30	0,30			Xã Sơn Long	Quyết định số 1998/QĐ-BNN-XD ngày 23/5/2017, số 2794/QĐ-BNN-XD ngày 22/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
III	Đất ở tại nông thôn	6,66	6,66					
1	XD khu dân cư nông thôn tại thôn Bình Hoà, thôn Giếng Thị	6,66	6,66			Xã An Hòa Thịnh	Công văn số 4579/UBND-XD1 ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm, điểm dân cư nông thôn xã An Hòa Thịnh, huyện Hương Sơn	
3	Tổng A: 03 Danh mục	7,26	7,26					
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023								
I	Đất nuôi trồng thủy sản	1,00	1,00					
1	Nuôi trồng thủy sản đồng Mù Ú, thôn Tượng Sơn	1,00	1,00			Xã Sơn Hàm	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
II	Đất cụm công nghiệp	1,00	1,00					
1	Cụm công nghiệp Khe Cò	1,00	1,00			Xã Sơn Lễ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
III	Đất thương mại, dịch vụ	0,70	0,70					
1	Xây dựng cây xăng dầu, thôn 3	0,30	0,30			Xã Sơn Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đất thương mại dịch vụ xóm Tây Hà	0,40	0,40			Xã Tân Mỹ Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
IV	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,29	0,29					
1	Trạm tăng áp Nhà máy nước Quang Diệm	0,09	0,09			Xã Sơn Phú, Xã Sơn Bàng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Nhà máy chế biến Cam sấy dẻo Duy Đức	0,20	0,20			Xã Kim Hoa	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
V	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	16,47		16,47				
1	Điểm khai thác VLXD Khe Điec	5,97		5,97		Xã Kim Hoa	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Điểm khai thác VLXD núi Long Cao	5,50		5,50		Xã Kim Hoa	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Điểm khai thác VLXD núi Đồi Long	5,00		5,00		Xã Kim Hoa	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
VI	Đất giao thông	33,14	21,04	12,10				
1	Đường An Hòa Thịnh đi xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn	4,60	4,60			Xã An Hòa Thịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Nâng cấp, mở rộng QL 8A	12,60	0,70	11,90		Xã Sơn Tây; Sơn Kim 1	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Đường từ QL 8C đi Tân Thịnh	0,15	0,15			Xã An Hòa Thịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Đường xã Sơn Bình đi Kim Hoa	4,90	4,90			Xã Sơn Bình	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Mở rộng đường Ninh Tiến (xã Sơn Tiến)	0,90	0,70	0,20		Xã Sơn Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Cải tạo, nâng cấp QL8C	8,24	8,24			Các xã: Sơn Long,, An Hòa Thịnh, Sơn Trung	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7	Cảng cạn IDC Cầu Treo	0,55	0,55			Xã Sơn Tây	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
8	Đường giao thông trục chính nối các xã sát nhập xã Kim Hoa	1,20	1,20			Xã Kim Hoa	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
VII	Đất thủy lợi	2,60	1,90	0,70				
1	Nâng cấp cải tạo các hồ (Khe Nhảy, Hồ Khe Cò, Hồ Vực Rồng)	1,10	0,40	0,70		Xã Sơn Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố	1,50	1,50			Xã Sơn Long, Xã Quang Diệm, Xã Sơn Kim 1, Xã Sơn Kim 2	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
VIII	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,70	0,70					
1	Mở rộng khuôn viên trường Tiểu Học	0,20	0,20			Xã An Hòa Thịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng trường Mầm non Sơn Trường	0,30	0,30			Xã Sơn Trường	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Mở rộng trường Tiểu học Sơn Trường	0,20	0,20			Xã Sơn Trường	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
IX	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,22	0,22					
1	Sân TDTT TDP 6 thị trấn Phố Châu	0,22	0,22			TT Phố Châu	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
X	Đất công trình năng lượng	6,60	6,60					
1	Điện năng lượng mặt trời	6,60	6,60			Xã Quang Diệm	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XII	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,50	0,50					
1	Mở rộng đền thờ Nguyễn Tuấn Thiện	0,50	0,50			Xã Sơn Ninh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XIII	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,70	0,70					
1	Nhà văn hóa (thôn Trung Bằng, Kim Bằng, Thanh Bằng và Phúc Bằng)	0,30	0,30			Xã Sơn Bằng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Nhà văn hóa, sân TDTT TDP 9, TDP 10 thị trấn Phố Châu	0,40	0,40			TT Phố Châu	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XIV	Đất ở tại nông thôn	20,52	20,52					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất ở vùng Chợ Đình	2,00	2,00			Xã Kim Hoa	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đất ở (trường tiểu học và trường MN cũ) thôn Sinh Cờ	0,03	0,03			Xã Sơn Châu	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Đầu giá thôn Đình	0,22	0,22			Xã Sơn Châu	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Đất ở thôn Lâm Trung, xã Sơn Lâm	0,50	0,50			Xã Sơn Lâm	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Đất ở mới thôn Khe Cò	0,80	0,80			Xã Sơn Lễ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Đầu giá đất ở 2 bên đường Long Hà Trà	1,50	1,50			Xã Sơn Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	Giao đất, đầu giá đất Ao Làng, thôn 1	0,20	0,20			Xã Sơn Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Đất ở (Nhà Sấn)	0,12	0,12			Xã Sơn Ninh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
9	Đất ở đồng Muông thôn 5, (Đàng Vại) thôn 1	0,51	0,51			Xã Sơn Trà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
10	Đầu giá đất ở khu Đồng Tùng thôn Tây Hà	0,60	0,60			Xã Tân Mỹ Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
11	Quy hoạch đầu giá đất ở (vùng Đượng Sim)	0,10	0,10			Xã Kim Hoa	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
12	Khu dân cư nông thôn tại thôn Sinh Cờ (QH đất ở mới 2,1 ha; Cây xanh, mặt nước 3,81 ha; đất công cộng khác 2,09 ha...)	0,15	0,15			Xã Sơn Châu	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	
13	Đất ở thôn Sâm Cồn	0,20	0,20			Xã An Hòa Thịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
14	Đầu giá đất ở đồng Chào Mừng, Chào Mừng dưới, Bồng Tròn Trên	0,30	0,30			Xã Sơn Bình	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
15	Khu dân cư nông thôn tại thôn Sinh Cờ	3,00	3,00			Xã Sơn Châu	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
16	Đất ở thôn 2 (đầu giá)	0,70	0,70			Xã Sơn Giang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
17	Đất ở vùng đồng Cạn, Quyển, Hồ Giếng (đầu giá)	1,00	1,00			Xã Sơn Hàm	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
18	Đầu giá QSD đất thôn Khe Cò, Đức Vừ	0,30	0,30			Xã Sơn Lễ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
19	Đất ở đồng Cựa Đền, Lối Mỏ (đầu giá)	0,70	0,70			Xã Sơn Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
20	Đất ở nông thôn (đầu giá)	0,13	0,13			Xã Sơn Ninh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
21	Đất ở phục vụ giao đất, đầu giá thôn Hồng Hà	0,80	0,80			Xã Tân Mỹ Hà	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
22	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại vùng thôn Bình Hòa, thôn Giếng Thị, xã An Hòa Thịnh	6,66	6,66			Xã An Hòa Thịnh	Công văn số 4579/UBND-XD1 ngày 18/8/2022 của UBND Tỉnh	KH 6th 2022
XV	Đất ở tại đô thị	9,69	9,69					
1	Khu đô thị Bắc Phó Châu 2	9,42	9,42			Xã Sơn Trung	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đất ở xen dăm	0,27	0,27			TT Phó Châu	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XVIII	Đất tín ngưỡng	0,05	0,05					
1	Mở rộng Đền Cả	0,05	0,05			Xã Sơn Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
52	Tổng B: 52 Danh mục	94,18	64,91	29,27				
55	Tổng A+B: 55 Danh mục	101,44	72,17	29,27				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 2.8. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN ĐỨC THỌ**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Đất nông nghiệp khác	3,20	3,20					
1	Trang trại đa cây đa con NTTS kết hợp cây ăn quả Thôn Đồng Vịnh	3,20	3,20			Thôn Đồng Vịnh, Xã Tân Dân	Văn bản số 141/TT-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện Đức Thọ về việc chấp thuận dự án trang trại đa cây đa con NTTS kết hợp cây ăn quả thôn Đồng Vịnh	
II	Đất công trình năng lượng	0,14	0,14					
1	Khôi phục chùa Vịnh Giang	0,14	0,14			Thôn Đại Lợi, xã Thanh Bình Thịnh	Văn bản số: 658/UBND-NC của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 29/01/2019 về việc khôi phục, xây dựng một số chùa trong tỉnh	
III	Đất cơ sở tôn giáo	0,13	0,13					
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Đức Thọ	0,13	0,13			Toàn huyện Đức Thọ	Quyết định số 1074/QĐ-EVNNPC ngày 19/5/2022 và số 2476/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023 cho Công ty Điện lực Hà Tĩnh	
IV	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	2,90	2,90					
1	Mở rộng nghĩa trang Cự Trại	2,50	2,50			Thôn Phú Quý, xã Bùi La Nhân	Văn bản số: 3413/UBND-KTHT Ngày 06/9/2022 của UBND huyện Đức Thọ về việc ý kiến đối với nội dung đề xuất lân cưu hoạch mở rộng nghĩa trang tại	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Mở rộng nghĩa trang đồng cháng	0,40	0,40			Thôn Quyết Tiến, xã Bùi La Nhân	xã Bùi La Nhân, huyện Đức Thọ	
V	Đất ở nông thôn	2,00	2,00					
1	Đất ở thôn Làng Hạ	0,30	0,30			Xã Hòa Lạc	Quyết Định số 3723 ngày 14/7/2021 của UBND Huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư xã Hoà Lạc-huyện Đức Thọ- tỉnh Hà Tĩnh	
2	Đất ở xen dăm thôn Châu Thịnh	0,08	0,08			Thôn Châu Thịnh, xã Tùng Châu	Quyết định số: 942/QĐ-UBND Ngày 11/3/2021 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư tỷ lệ 1/500 xã Tùng Châu, huyện Đức Thọ	
3	Đất ở xen dăm Thôn Phú Quý, Khang Ninh	0,12	0,12			Bùi La Nhân	Quyết định số: 1052/QĐ-UBND Ngày 12/7/2022 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (tỷ lệ 1/500) đất ở xen dăm dân cư năm 2022 tại xã Bùi La Nhân, huyện Đức Thọ	
4	Đất ở Đồng Sường thôn Đại An	1,50	1,50			Thôn Đại An, xã An Dũng	Văn bản số: 3904/UBND-KTHT Ngày 28/10/2022 của UBND huyện Đức Thọ về chủ trương lập QH chi tiết đất ở khu dân cư tại xã An Dũng năm 2022	
9	Tổng A: 09 Danh mục	8,37	8,37					
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023								
I	Đất thương mại, dịch vụ	0,90	0,90					
1	Cửa hàng xăng dầu và Thương mại tổng hợp TK	0,25	0,25			Thôn Phương Thành, xã Tân Dân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Đất Thương mại, dịch vụ	0,15	0,15			Thị trấn Đức Thọ	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
3	Đất Thương mại, dịch vụ	0,50	0,50			Thôn Hòa Bình, xã Lâm Trung Thủy	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
II	Đất giao thông	8,44	8,44					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đường từ Thị Trấn đến khu lưu niệm Trần Phú, huyện Đức Thọ	1,90	1,90			Thị trấn Đức Thọ, Xã Tùng Ảnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Nâng cấp tuyến đường nối QL8A - Cụm Công nghiệp Thái Yên - QL15A, huyện Đức Thọ	4,50	4,50			Xã Thanh Bình Thịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Đường Huyện lộ ĐH56 qua xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ	1,44	1,44			Xã Hoà Lạc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Bến xe huyện Đức Thọ	0,60	0,60			Thị trấn Đức Thọ	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
III	Đất thủy lợi	2,30	2,30					
1	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Ngàn Sâu Đồng - Lạc (giai đoạn 2)	2,30	2,30			Các xã: Xã Đức Đồng, Hòa Lạc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
IV	Đất xây dựng cơ sở y tế	2,80	2,80					
1	Bệnh viện đa khoa TTH Đức THọ	2,80	2,80			Thị trấn Đức Thọ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
V	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,70	0,70					
1	Mở rộng Trường Mầm Non	0,70	0,70			Thôn Thọ Ninh, xã Liên Minh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
VI	Đất công trình năng lượng	0,27	0,27					
1	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 22kV, 35kV sau các TBA 110kV Linh Cẩm (E18.2), Đức Thọ (E18.4), Hương Sơn (E18.7) khu vực huyện Đức Thọ, huyện Hương Sơn theo phương án đa chia đa nối (MDMC) (Thuộc dự án: Trạm biến áp phân phối, tuyến đường dây trung áp, tuyến đường dây hạ áp)	0,05	0,05			Xã Thanh Bình Thịnh, An Dũng, Bùi La Nhân, Liên Minh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Cải tạo ĐZ 110KV Hưng Đông - Can Lộc và Hưng Đông - Linh Cẩm	0,18	0,18			Xã Tùng Ảnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Xây dựng xuất tuyến 22Kv tạo mạch vòng giữa 2 trạm biến áp 110Kv Hương Sơn và Linh Cẩm	0,04	0,04			Xã Tùng Ảnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
VII	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,15	0,15					
1	Trạm BTS (Duc-Lam-DTO_HTH)	0,08	0,08			Thôn Trung Đại Lâm - Xã Lâm Trung Thủy	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Trạm BTS (Duc-Lac2-DTO_HTH)	0,02	0,02			Thôn Thượng Tiến - Xã Hòa Lạc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Trạm BTS (Duc-Hoa-DTO_HTH)	0,05	0,05			Thôn Đông Đoài - Xã Hòa Lạc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
VIII	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,80	0,80					
1	Bãi thải phục vụ cao tốc Bắc - Nam	0,80	0,80			Xã Thanh Bình Thịnh, xã Yên Hồ	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
IX	Đất ở nông thôn	9,12	9,12					
1	Khu dân cư cổng xóm 6 thôn Cửu Yên	0,14	0,14			Thôn Yên Cũ, xã Trường Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Khu dân cư thôn Ninh Thái	0,03	0,03			Thôn Ninh Thái, xã Trường Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
3	Đất ở khu dân cư Mụ Sại	0,13	0,13			Thôn Vĩnh Khánh, xã Trường Sơn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
4	Đất ở Đồng Quang	0,60	0,60			Xã Đức Đồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
5	Đất ở Vòng Trên	0,17	0,17			Xã Liên Minh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
6	Đất ở Quang Tiến đồng Bề	0,28	0,28			Xã Thanh Bình Thịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
7	Đất ở đồng Tháng 10	0,80	0,80			Xã Thanh Bình Thịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
8	Đất ở đầu giá thôn Châu Thịnh	0,08	0,08			Thôn Châu Thịnh, xã Tùng Châu	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
9	Đất ở Đồng Xư thôn Đại An	0,14	0,14			Xã An Dũng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
10	Đất ở Vùng Nuôi Tài	0,50	0,50			Xã Lâm Trung Thủy	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
11	Đất ở Mậu Sáu - Trục xã	0,40	0,40			Thôn Quang Chiêm, Xã Thanh Bình Thịnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
12	Đất ở tuyến 1 và tuyến 2 Bắc đường HL 08	1,00	1,00			Thọ Ninh, Yên Mỹ xã Liên Minh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
13	Đất ở phía dưới đường vượt lũ (đập hàm cầu thôn Thọ Tường)	0,50	0,50			Thôn Thọ Tường xã Liên Minh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
14	Đất ở Đồng Lâm thôn Yên Thắng	0,16	0,16			Thôn Yên Thắng, xã Hòa Lạc	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
15	Đất ở xen dăm	0,20	0,20			Thôn Hoà Thái, Đông Đoài, Thị Hoà, Đông Xá, xã Hoà Lạc	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
16	Đất ở khu dân đồng Vông, thôn Ninh Thái	0,03	0,03			Thôn Ninh Thái, xã Trường Sơn	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
17	Đất ở Đối diện đất A Trần Đình Phong Thôn Yên Phú	0,50	0,50			Thôn Yên Phú xã Liên Minh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
18	Đất ở Vùng Biên Đông, Đồng Trám thôn Trung Văn Minh, Thôn Tiên Thọ	1,20	1,20			Thôn Trung Văn Minh, xã Yên Hồ	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
19	Đất ở tuyến 1 QL8A thôn Phú Quý	0,06	0,06			Thôn Phú Quý xã Bùi La Nhân	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
20	Đất ở Vùng De - Vông Trên	1,00	1,00			Thôn Thọ Tường, xã Liên Minh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	NQ 83
21	Đất ở xen dăm Đồng Cổ Cò	0,20	0,20			Thôn Trung Bắc, Trung Khánh xã Lâm Trung Thủy	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
22	Khu TĐC cao tốc Bắc - Nam	1,00	1,00			Xã Thanh Bình Thịnh	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 71
X	Đất ở đô thị	14,43	14,43					
1	Xây dựng khu dân cư OM-10, OM-11, OM- 12	9,70	9,70			Nhà lay trên, Thị trấn Đức Thọ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
2	Phân khu xây dựng mở rộng thị trấn Đức Thọ: Đất ở đô thị (OM-09)	4,73	4,73			TDP 8, Thị trấn Đức Thọ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
XI	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,35	0,35					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Thi hành án (Nhà Lay)	0,35	0,35			Tổ Dân Phố 7, Thị trấn Đức Thọ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	NQ 61
42	Tổng B: 42 Danh mục	40,26	40,26					
51	Tổng A+B: 51 Danh mục	48,63	48,63					

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 2.9. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN CAN LỘC**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Đất ở nông thôn	18,05	18,05					
1	Quy hoạch đất ở	0,47	0,47			Chại Diên, Nhà Ra, Thôn Yên Thường cũ, xã Quang Lộc	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
2	Quy hoạch đất ở	0,60	0,60			Thôn Thái Hòa, xã Vượng Lộc	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
3	Quy hoạch đất ở	0,60	0,60			Thôn Phúc Sơn, xã Sơn Lộc	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
4	Quy hoạch đất ở	1,42	1,42			Thôn Khánh Sơn, xã Sơn Lộc	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
5	Quy hoạch đất ở	0,50	0,50			Đồng Quan, Đô Hành, xã Mỹ Lộc	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
6	Quy hoạch đất ở	0,77	0,77			Thôn Văn Thịnh, xã Xuân Lộc	Quyết định số 2362 ngày 20/12/2018 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Xuân Lộc khảo sát địa điểm quy hoạch tổng mặt bằng phân lô đất ở nằm trong vùng quy hoạch đất dân cư	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7	Quy hoạch đất ở	0,34	0,34			Thôn Bình Yên, xã Xuân Lộc	Quyết định số 2362 ngày 20/12/2018 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Xuân Lộc khảo sát địa điểm quy hoạch tổng mặt bằng phân lô đất ở nằm trong vùng quy hoạch đất dân cư	
8	Quy hoạch đất ở	0,50	0,50			Đông Kim, xã Trung Lộc	Quyết định số 2040 ngày 31/7/2020 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Trung Lộc khảo sát lập, quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô tại các thôn Tân Mỹ, Trung Long, Cồn Soi, Bình Minh và Đông Kim xã Trung Lộc	
9	Quy hoạch đất ở	3,14	3,14			Đông Trạm Tươi, Xã Thường Nga	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
10	Quy hoạch đất ở	2,05	2,05			Đông Trọ Nước, xã Thường Nga	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
11	Quy hoạch đất ở	1,00	1,00			Đông Vải Hối Con, xã Tùng Lộc	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
12	Quy hoạch đất ở	0,70	0,70			Bàu Ràn, Thôn Tây Hồ, xã Thuần Thiện	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
13	Quy hoạch đất ở	1,2	1,2			Vùng Đông Cửa Đàng, xã Kim Song Trường	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
14	Quy hoạch đất ở	0,51	0,51			Thôn Tân Tiến, xã Phú Lộc	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
15	Quy hoạch đất ở	0,1	0,10			Thôn Tiến Thịnh, xã Phú Lộc	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
16	Quy hoạch đất ở	1,00	1,00			Đương Châu, xã Thượng Lộc	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
17	Quy hoạch đất ở	1,70	1,70			Thôn Đông Nam, xã Thiên Lộc	Quyết định 4090/QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2019 cho phép UBND xã Thiên Lộc khảo sát địa điểm quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phân lô đất ở vùng Thượng Kháo, thôn Hồng Tân, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc	
18	Quy hoạch đất ở	0,50	0,50			Thôn Quán Ngọc, xã Khánh Vĩnh Yên	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
19	Quy hoạch đất ở	0,95	0,95			Thôn Hạ Triều, xã Khánh Vĩnh Yên	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
II	Đất ở đô thị	7,03	7,03	-	-			
1	Quy hoạch đất ở	0,50	0,50			Tổ dân phố Vĩnh Phong, Thị trấn Nghèn	Quyết định số 3739 ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
2	Quy hoạch đất ở	2,80	2,80			Tổ dân phố Vĩnh Phong, Thị trấn Nghèn	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
3	Quy hoạch đất ở	0,40	0,4			Tổ dân phố 4, Thị trấn Nghèn	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
4	Quy hoạch đất ở	0,22	0,22			Phúc Xuân, Thị trấn Nghèn	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
5	Quy hoạch đất ở	0,60	0,60			Phúc Sơn, thị trấn Nghèn	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
6	Quy hoạch đất ở	2,06	2,06			Thị trấn Đồng Lộc	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7	Quy hoạch đất ở	0,27	0,27			Thị trấn Đồng Lộc	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
8	Quy hoạch đất ở	0,18	0,18			Gần nhà văn hóa Kim Thành, Thị trấn Đồng Lộc	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện Can Lộc về việc phê duyệt quy hoạch phân lô đất ở	
III	Đất năng lượng	0,13	0,13					
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực xã Kim Song Trường, xã Tùng Lộc, xã Thuần Thiện, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	0,03	0,03			xã Kim Song Trường, xã Tùng Lộc, xã Thuần Thiện	Quyết định số 2476/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực xã Sơn Lộc, xã Khánh Vĩnh Yên, xã Quang Lộc, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	0,04	0,04			xã Sơn Lộc, xã Khánh Vĩnh Yên, xã Quang Lộc, xã Thiên Lộc	Quyết định số 2476/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	
3	Di dời, cải tạo đường điện phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Bãi Vọt - Hàm Nghi	0,06	0,06			Kim Song Trường, Gia Hanh, Khánh Vĩnh Yên, Xuân Lộc, Quang Lộc, Trung Lộc	Quyết định số 2476/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	
IV	Đất bưu chính viễn thông	0,08	0,08	-	-			
1	QH đất bưu chính viễn thông	0,05	0,05			Hồng Sơn, xã Phú Lộc	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	
2	QH đất bưu chính viễn thông	0,03	0,03			Thôn Văn thịnh, xã Xuân Lộc	QĐ số 1431/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	
V	Đất giao thông	0,24	0,24					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Mở rộng tuyến đường Thị - Sơn huyện Can Lộc	0,24	0,24			Thị trấn Nghèn, Xuân Lộc, Trung Lộc, Quang Lộc, Sơn Lộc	Công văn số 4247/UBND-GT ngày 28/6/2019 về chủ trương đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thị - Sơn huyện Can Lộc	
VI	Đất cơ sở y tế	0,90	0,90					
1	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	0,90	0,9			TT Nghèn	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư thuộc Chương trình phục hồi phát triển Kinh tế - Xã hội và điều chỉnh chủ trương đầu tư công trên địa bàn tỉnh	
34	Tổng A: 34 Danh mục	26,43	26,43					
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023								
I	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã							
I	Đất cụm công nghiệp	2,12	2,12					
1	Cụm công nghiệp Can Lộc	2,12	2,12			Xã Thiên Lộc; TT Nghèn	Quyết định số 3779/QĐ-UBND ngày 9/11/2020 của UBND tỉnh	
II	Đất ở nông thôn	51,84	51,84					
1	Quy hoạch đất ở	0,90	0,90			Trại lê, xã Quang Lộc	Quyết định số 2055 ngày 27/6/2022 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Quang Lộc khảo sát địa điểm lập quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phân lô đất ở các thôn: Tam Long, Yên Lập, Trại Lê xã Quang Lộc	
2	Quy hoạch đất ở	0,90	0,90			Thượng lợi, xã Quang Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Khu TĐC Đường bộ cao tốc tại xã Quang Lộc	1,78	1,78			Quang Lộc	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022	
4	Quy hoạch đất ở	0,40	0,40			Nhà Ra, xã Quang Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục dịch SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5	Quy hoạch đất ở	1,60	1,60			Thôn Làng Lau, Vượng Lộc	QĐ số 2026/QĐ-UBND huyện ngày 22/06/2022 cho phép UBND xã Vượng Lộc khảo sát địa điểm, lập quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô ở các thôn Minh Vượng, Đông Mỹ, Củ Lâm, Đồng Huệ, Làng Lau, xã Vượng Lộc	
6	Quy hoạch đất ở	0,25	0,25			Thôn Củ Lâm, Vượng Lộc	QĐ số 2026/QĐ-UBND huyện ngày 22/06/2022 cho phép UBND xã Vượng Lộc khảo sát địa điểm, lập quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô ở các thôn Minh Vượng, Đông Mỹ, Củ Lâm, Đồng Huệ, Làng Lau, xã Vượng Lộc	
7	Quy hoạch đất ở	0,75	0,75			Đồng Huệ, Đông Mỹ, xã Vượng Lộc	QĐ số 2026/QĐ-UBND huyện ngày 22/06/2022 cho phép UBND xã Vượng Lộc khảo sát địa điểm, lập quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô ở các thôn Minh Vượng, Đông Mỹ, Củ Lâm, Đồng Huệ, Làng Lau, xã Vượng Lộc	
8	Quy hoạch đất ở	0,60	0,60			Thôn Thịnh Lộc, Khe Giao, xã Sơn Lộc	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/07/2021	
9	Khu TĐC Đường bộ cao tốc tại xã Sơn Lộc	1,00	1,00			Thôn Thịnh Lộc, xã Sơn Lộc	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022	
10	Quy hoạch đất ở	0,90	0,90			Đồi Cụp Trưa, Thôn Nhật Tân, xã Mỹ Lộc	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
11	Quy hoạch đất ở	0,80	0,80			Thôn Trung Xá, xã Xuân Lộc	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
12	Quy hoạch đất ở	9,80	9,80			Văn Cừ, xã Xuân Lộc	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
13	Quy hoạch đất ở	0,78	0,78			Đồng Bông Sơn, Thôn Mới, xã Xuân Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
14	Quy hoạch đất ở	3,30	3,30			Thôn Văn Thịnh, xã Xuân Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
15	Khu TĐC đường bộ cao tốc tại xã Kim Song Trường	2,70	2,70			Thôn Đông Vĩnh, xã Kim Song Trường	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
16	Khu TĐC đường bộ cao tốc tại xã Kim Song Trường	2,14	2,14			Thôn Phúc Yên, Đông Vĩnh, xã Kim Song Trường	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022	
17	Quy hoạch đất ở	0,40	0,40			Thôn Tân Mỹ, xã Trung Lộc	Quyết định số 2040 ngày 31/7/2020 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Trung Lộc khảo sát lập, quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô tại các thôn Tân Mỹ, Trung Long, Cồn Soi, Bình Minh và Đồng Kim xã Trung Lộc	
18	Quy hoạch đất ở	0,40	0,40			Thôn Trung Long, xã Trung Lộc	Quyết định số 2040 ngày 31/7/2020 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Trung Lộc khảo sát lập, quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô tại các thôn Tân Mỹ, Trung Long, Cồn Soi, Bình Minh và Đồng Kim xã Trung Lộc	
19	Khu TĐC Đường bộ cao tốc tại xã Trung Lộc	2,05	2,05			Thôn Minh Hương, xã Trung Lộc	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/04/2022	
20	Quy hoạch đất ở	2,00	2,00			Đông Nhà Trú, xã Thường Nga	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
21	Quy hoạch đất ở	0,78	0,78			QH đất ở Đông Cầu, xã Thường Nga	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
22	Quy hoạch đất ở	0,05	0,05			Lăng Hồng, xã Tùng Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
23	Quy hoạch đất ở	1,00	1,00			Đông Đập, Cựa Ao, xã Tùng Lộc	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
24	Quy hoạch đất ở	1,00	1,00			Đông Bàu, xã Tùng Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
25	Quy hoạch đất ở	6,50	6,50			Cồn áo Đông Rậm, xã Tùng Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
26	Quy hoạch đất ở	0,80	0,80			Nhà Bàng Phúc Sơn, xã Thuần Thiện	QĐ số 2618/QĐ-UBND ngày 6/10/2020 của UBND huyện cho phép UBND xã Thuần Thiện khảo sát địa điểm, lập quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất phân lô đất ở đồng Nhà Bàng, xã Thuần Thiện	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
27	Quy hoạch đất ở	1,00	1,00			Nhà Tráng, Thôn Yên, xã Thuần Thiện	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
28	Quy hoạch đất ở	1,40	1,40			Thôn Hồng Tân, xã Thiên Lộc	Quyết định 3324/QĐ-UBND huyện ngày 21/11/2019	
29	Quy hoạch đất ở	3,4	3,4			Đất ở vùng Bệ, xã Thiên Lộc	Quyết định 4090/QĐ-UBND huyện ngày 31/12/2019 cho phép UBND xã Thiên Lộc khảo sát địa điểm quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phân lô đất ở Đồng Bệ, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc	
30	Quy hoạch đất ở	0,9	0,9			Vùng Đồng Bà Trạch, Thôn Yên Đình xã Thiên Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	
31	Quy hoạch đất ở	0,10	0,10			Thạch Ngọc, xã Khánh Vĩnh Yên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	
32	Quy hoạch đất ở	0,50	0,50			Đông Chùa Nghi Thông Thạch Ngọc, xã Khánh Vĩnh Yên	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
33	Quy hoạch đất ở	0,50	0,50			Nương Cộ Vĩnh Xuân, xã Thượng Lộc	QĐ số 1781/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện Can Lộc cho phép UBND xã Thượng Lộc khảo sát địa điểm quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phân lô ở thôn Đông Thanh, thôn Vĩnh Xuân xã Thượng Lộc	
34	Quy hoạch đất ở	0,28	0,28			Thôn Vĩnh Phú, xã Phú Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	
35	Quy hoạch đất ở	0,18	0,18			Thôn Tiến Thịnh, xã Phú Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
III	Đất ở đô thị	10,00	10,00					
1	Quy hoạch đất ở	4,50	4,5			Sơn Thịnh, Thị trấn Nghèn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Quy hoạch đất ở	3,50	3,50			Đông Biên Đông, Thị trấn Nghèn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Quy hoạch đất ở	2,00	2,00			Kim Thành, TT Đông Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
IV	Quy hoạch đất sản xuất phi nông nghiệp	0,50	0,50	-	-			
1	Xây dựng nhà máy nước	0,50	0,50			Vượng Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
V	Đất trụ sở cơ quan	0,30	0,30					
1	QH trụ sở UBND Xã	0,30	0,30			Thôn Đại Bản, xã Khánh Vĩnh Yên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VII	Đất giao thông	5,30	5,30					
1	Đường giao thông trục xã	0,80	0,80			Thôn Hồng Vượng, Thái Hòa, Minh Vượng, xã Vượng Lộc	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
2	Nối dài đường Quốc Phòng	3,00	3,00			Thiên Lộc	Nghị quyết số 256/NQ-HĐND ngày 8/12/2020 của HĐND tỉnh	
3	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường DH36	0,50	0,5			Chợ Đình- Quán Trại, Xã Kim Song Trường	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 06/11/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh	
4	Hệ thống giao thông đô thị toàn xã	1,00	1,00			TT Nghèn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
VIII	Đất y tế	0,36	0,36					
1	Mở rộng trạm y tế	0,25	0,25			Đồng Bầu Cựa, TT Nghèn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2020	
2	Mở rộng trạm y tế	0,11	0,11			Thôn Quần Ngọc, xã Khánh Vĩnh Yên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IX	Đất chợ	1,90	1,90					
1	QH chợ Tổng	1,10	1,10			Đồng Nhà Nen, xã Kim Song Trường	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	QH chợ xã Thượng Lộc	0,80	0,80			Thượng Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
X	Đất công trình sự nghiệp	0,40	0,40					
1	Đội thuế Can Lộc KP Phúc Sơn, TT Nghèn	0,20	0,20			TT Nghèn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Trụ sở Hạt kiểm lâm huyện Can Lộc	0,20	0,2			TT Nghèn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IV	Đất thương mại dịch vụ	1,14	1,14					
1	Đất thương mại dịch vụ	0,94	0,94			Thôn Văn Thịnh, xã Xuân Lộc	Nghị quyết số 256/NQ-HĐND ngày 8/12/2020 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Dự án cửa hàng xăng dầu và dịch vụ tổng hợp	0,2	0,2			Km21+600 đến Km21+700 quốc lộ 281, xã Thuần Thiện	Nghị quyết số 256/NQ-HĐND ngày 8/12/2020 của HĐND tỉnh	
XI	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,50	0,50					
1	Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa	0,50	0,50			Thôn Yên Tràng, Xã Kim Song Trường	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 15/12/2019	
XII	Đất tôn giáo	2,35	2,35					
1	QH MR chùa Hà Linh	0,30	0,30			Đồng Đàm Cháy, thị trấn Nghèn	Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của HĐND huyện	
2	QH Mở rộng chùa Chiêu Ninh thôn Phúc Tân	1,50	1,50			Xã Kim Song Trường	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 15/12/2019	
3	QH MR Chùa Hội	0,25	0,25			Chùa Hội Thôn Thuận Thăng, xã Khánh Vĩnh Yên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Giáo họ Cây Bàng	0,3	0,3			Xuân Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XIII	Đất tín ngưỡng	0,40	0,40					
1	Mở rộng khuôn viên nhà thờ giáo họ Bình Hòa, thôn Bình Yên	0,4	0,4			Xuân Lộc	Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của HĐND huyện	
XIV	Đất văn hóa	0,62	0,62					
1	QH Đài Tưởng Niệm	0,50	0,50			Đồng Nhà Nen, xã Kim Song Trường	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Quy hoạch Nhà văn hóa Ban Long, xã Quang Lộc	0,12	0,12			Xã Quang Lộc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XV	Đất thể dục - thể thao	6,60	6,60					
1	Đất thể dục thể thao trong Khu đô thị thị trấn Nghèn	6,60	6,60			Thị trấn Nghèn	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
62	Tổng B: 62 Danh mục	84,33	84,33					
96	Tổng A+B: 96 Danh mục	110,76	110,76					

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 2.10. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN KỶ ANH**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Đất nông nghiệp khác	3,70	3,70					
1	Hệ thống trang trại chăn nuôi tổng hợp và kết hợp mô hình cá - lúa trên địa bàn xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh	3,70	3,70			Xã Kỳ Phong	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 04/QĐ-UBND ngày 17/02/2022 của UBND tỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Hệ thống trang trại chăn nuôi tổng hợp và kết hợp mô hình cá - lúa trên địa bàn xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh	
II	Đất giao thông	5,24	5,24					
1	QH đường nối đường trục xã đến Cồn Lụy - Trần Phú	0,14	0,14			Xã Kỳ Xuân	Văn bản số 4403/UBND-NL4 ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh về việc thẩm định danh mục thư quan tâm gói cơ sở hạ tầng đợt 2, thuộc Hợp phần 3, Dự án FMCR; Văn bản 2188/SKHĐT-TĐSDT ngày 10/8/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hoàn thiện các hồ sơ danh mục đầu tư các gói cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất thuộc hợp phần 3 Dự án FMCR (đợt 2)	
2	Đường giao thông liên khu vực đô thị mới Kỳ Đồng (Đoạn từ QL1 đến đường chính đô thị Kỳ Đồng)	4,00	4,00			Kỳ Đồng, Kỳ Giang	- NQ 16/NQ-HĐND ngày 2/8/2021 của HĐND huyện Kỳ Anh - QĐ 5329/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND huyện Kỳ Anh vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường liên xã LX07 (Khang- Ninh)	0,40	0,40			Kỳ Khang	- NQ 18/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND huyện Kỳ Anh - QĐ 996/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện Kỳ Anh vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Đường trục xã Kỳ Tân đoạn từ cầu Bàu đến QL12C	0,30	0,30			Kỳ Tân	-NQ 32/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Kỳ Anh -QĐ 3048/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND huyện Kỳ Anh vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
5	Đường liên xã Xuân Phú (LX.05)	0,20	0,20			Xã Kỳ Xuân	-NQ 32/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Kỳ Anh -QĐ 3046/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND huyện Kỳ Anh vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
6	Xây dựng cầu Con Trường tại Km100+950 và cầu Ông Non tại Km101+950, đường tỉnh ĐT.554, huyện Kỳ Anh	0,20	0,20			Xã Lâm Hợp	Công văn số 6294/UBND-GT ngày 04/11/2022 về việc giao xem xét, tham mưu phân bổ nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa địa phương năm 2023	
V	Đất thủy lợi	0,10	0,10					
1	Xây dựng khu xử lý nước thải	0,10	0,10			Xã Kỳ Văn	Văn bản số: 2044/UBND-TNMT ngày 28/12/2021 của UBND huyện Kỳ Anh về việc thực hiện mô hình xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung thôn Mỹ Liên, xã Kỳ Văn	
VI	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,80	0,80					
1	Mở rộng trường trung học cơ sở Giang Đồng	0,80	0,80			Thôn Đồng Tiến, xa Kỳ Đồng	Văn bản số 4373/UBND-XD1 ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh địa điểm xây dựng trường THCS Giang Đồng	
IX	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,08	0,08					
1	Xây dựng trạm BTS VNP	0,08	0,08			Xã Kỳ Bắc, Kỳ Hải, Kỳ Hải, Kỳ Phong, Kỳ Phú, Kỳ Sơn, Kỳ Tây, Kỳ Thọ, Kỳ Trung, Kỳ Văn, Kỳ Thượng, Lâm Hợp	QĐ số 1430/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 4/11/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các trạm BTS trên địa bàn huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	
X	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,39	0,39					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	QH hội trường thôn Tân Thành	0,19	0,19			Xã Kỳ Giang	NQ số 17/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Kỳ Giang thông qua Danh mục công trình khởi công năm 2022; Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Kỳ Giang phân bổ vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Kỳ Giang Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
2	QH hội trường thôn Tân Phong	0,20	0,20			Xã Kỳ Giang		
XI	Đất ở tại nông thôn	8,60	8,60					
1	Quy hoạch dân cư Nương Hào 2	2,00	2,00			Xã Kỳ Giang	NQ số 17/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Kỳ Giang thông qua Danh mục công trình khởi công năm 2022; Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Kỳ Giang phân bổ vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Kỳ Giang Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
2	Khu dân cư vùng Thặng Lặng	0,40	0,40			Xã Kỳ Phong	Công văn số 554/UBND-KT&HT ngày 18/4/2022 của UBND huyện Kỳ Anh về việc đồng ý chủ trương lập quy hoạch Khu dân cư tại xã Kỳ Phong;	
3	QH đất ở Vùng đồng Hoang	5,00	5,00			Xã Kỳ Văn	Văn bản số 560/UBND-KT&HT ngày 18/4/2022 của UBND huyện Kỳ Anh	
4	Đất ở vùng Cửa Trong nước thôn Hải Vân	1,20	1,20			Thôn Hải Vân, xã Kỳ Đồng	Văn bản số 556/ UBND- KT&HT của UBND huyện Kỳ Anh về việc đồng ý chủ trương lập quy hoạch khu dân cư tại xã Kỳ Đồng	
16	Tổng A: Danh mục	18,91	18,91					
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023								
I	Đất an ninh	1,01	1,01					
1	Bãi tập kết xe vi phạm - Công an huyện	0,01	0,01			xã Kỳ Đồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Cơ sở làm việc trạm cảnh sát giao thông trên tuyến QL.1A	1,00	1,00			Xã Kỳ Văn	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh	
II	Đất trồng cây lâu năm	0,80	0,80					
1	Vùng trồng Bưởi da xanh kết hợp trồng gừng (Công ty Bato)	0,80	0,80			Xã Kỳ Thượng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
III	Đất nông nghiệp khác	2,50	2,50					
1	Trang trại tổng hợp	2,50	2,50			thôn Tân Phong, xã Kỳ Phong	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
IV	Đất thương mại, dịch vụ	12,06	2,06	10,00				
1	Dự án Cửa hàng xăng dầu Xuân Thắng tại xã Kỳ Xuân huyện Kỳ Anh	0,16	0,16			Xã Kỳ Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Dự án Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại xã Kỳ Đồng	0,50	0,50			Xã Kỳ Đồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Đất Thương mại - dịch vụ vùng Con Kéc thôn Bắc Châu	1,10	1,10			Xã Kỳ Châu	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Quy tín dụng nhân dân liên xã Kỳ Phong	0,10	0,10			Xã Kỳ Phong	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Khu du lịch biển Kỳ Xuân	10,00		10,00		Xã Kỳ Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Đất thương mại dịch vụ thôn Sơn Tây	0,10	0,10			Thôn Sơn Tây, xã Kỳ Thọ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	XD nhà làm việc Quy tín dụng ND xã Kỳ Xuân	0,10	0,10			Thôn Quang Trung, xã Kỳ Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
V	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3,40	3,40					
1	Đất sản xuất kinh doanh tại thôn Hiệu Châu xã Kỳ Châu	2,00	2,00			Thôn Hiệu Châu, xã Kỳ Châu	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Khu SXKD chế biến hải sản thôn Trung Tiến- Kỳ Khang	0,40	0,40			Thôn Trung Tiến, xã Kỳ Khang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Đất sản xuất kinh doanh vùng Đồng Lê	1,00	1,00			Thôn Tân Phong, xã Kỳ Giang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
VI	Đất giao thông	2,77	2,77					

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đường liên xã LX.02 từ QL1A đi Sông Rác huyện Kỳ Anh (thực hiện phần còn lại)	0,40	0,40			Xã Kỳ Phong	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Đường cứu hộ Nước Xanh	0,15	0,15			Xã Kỳ Phong	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 136 đoạn Km3+00-Km5+600 (từ đường bộ ven biển đến đường tuần tra ven biển)	0,20	0,20			Xã Kỳ Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Dự án “Phát triển tổng hợp các đô thị động lực”	2,02	2,02			Xã Kỳ Châu	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
VII	Đất thủy lợi	0,57	0,57					
1	Dự án xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư	0,07	0,07			Thôn Xuân Thắng, xã Kỳ Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Sửa chữa, nâng cao an toàn đập (WB8) Hồ Nước Xanh	0,50	0,50			Xã Kỳ Phong, Kỳ Tiến	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
VIII	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	7,13	7,13					
1	Xây dựng Quảng trường trung tâm và Trung tâm văn hóa huyện Kỳ Anh	7,13	7,13			Xã Kỳ Đồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
IX	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	0,24	0,24					
1	XD Trường Mầm non Phúc Môn Kỳ Thượng	0,06	0,06			Xã Kỳ Thượng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng trường Mầm non Kỳ Giang	0,18	0,18			Xã Kỳ Giang	NQ 71	
X	Đất công trình năng lượng	3,45	1,56	1,89				
1	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã	0,50	0,50			Các xã	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp 35kV thị xã Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, huyện Cẩm Xuyên, huyện Thạch Hà, huyện Can Lộc - tỉnh Hà Tĩnh theo phương pháp đa chia - đa nối (DMMC)	0,06	0,06			Kỳ Tây, Kỳ Hợp, Kỳ Thư, Kỳ Trung, Kỳ Hải	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Trang Trại Phong điện HBRE Hà Tĩnh	1,55		1,55		Xã Kỳ Lạc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Cải tạo mạch vòng 35kV giữa TBA 110KV Kỳ Anh và TBA 110kV Cẩm Xuyên	0,10	0,10			Xã Kỳ Đồng, Phong, Tiên, Giang, Thọ, Văn, Thụ, Tân, Châu	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Xây dựng mạch vòng 22kV giữa TBA 110kV Vũng Áng (E18.5) và TBA 110kV Kỳ Anh (E18.3), nâng cao độ tin cậy cung cấp điện theo phương án đa chia đa nối khu vực thị xã Kỳ Anh	0,01	0,01			Xã Kỳ Hải	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Xây dựng đường dây và TBA 110kV Kỳ Anh 2	0,80	0,80			Các xã	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	Xây dựng ĐZ, TBA giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp khu vực huyện; Xây dựng cải tạo ĐZ trung áp, TBA và ĐZ hạ áp giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp huyện Kỳ Anh năm 2022	0,09	0,09			Xã Kỳ Lạc, Lâm Hợp, Kỳ Thụ, Kỳ Phú, Kỳ Bắc, Kỳ Khang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Xây dựng đường dây 500Kv Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	0,34		0,34		Xã Kỳ Tân, Lâm Hợp, Kỳ Tây, Kỳ Trung, Kỳ Giang, Kỳ Tiên, Kỳ Phong	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XI	Đất chợ	0,30	0,30					
1	XD Chợ Kỳ Xuân thôn Xuân Thắng	0,30	0,30			Xã Kỳ Xuân	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XII	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,15	0,15					
1	XD Nhà văn hoá thôn Đại Đồng	0,15	0,15			Thôn Đại Đồng, xã Kỳ Văn	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XIII	Đất ở nông thôn	28,45	28,45					
1	Khu dân cư thôn Phú Long	1,80	1,80			Xã Kỳ Phú	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Đất ở tuyến 2 Q.lộ 1A - Khu tái định cư thôn Đồng Tiến; thôn Đồng Phú và Vùng Trạng thôn Yên Sơn	0,80	0,80			Xã Kỳ Đồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Xây dựng Hạ tầng Chợ huyện (Tổng diện tích 8,7 ha; trong đó DCH 2,03 ha; ONT 3,06 ha; DGT 3,03 ha; DKV 0,54 ha)	7,76	7,76			Xã Kỳ Đồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Đất ở vùng Hạ Phòng thôn Phương Giai	0,81	0,81			Xã Kỳ Bắc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
5	Đất ở khu vực Đập Cương	0,56	0,56			Thôn Thượng Hải, xã Kỳ Hải	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Đất ở xen dăm	0,50	0,50			Kỳ Phong	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
7	Đất ở vùng Cửa Tuyền	0,80	0,80			xã Kỳ Tiên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
8	Đất ở tái định cư dự án: Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh	1,30	1,30			thôn Hiệu Châu, xã Kỳ Châu	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
9	Đất ở dân cư vùng Hạ Phòng	1,93	1,93			Thôn Phương Giai, xã Kỳ Bắc	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
10	Xen dăm dân cư khu Đồng Đưng thôn Thượng Hải, xã Kỳ Hải	0,70	0,70			Thôn Thượng Hải, xã Kỳ Hải	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
11	Xen dăm toàn xã	0,11	0,11			Xã Kỳ Thọ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
12	Đất ở khu vực Đập Cương	2,30	2,30			Thôn Thượng Hải, xã Kỳ Hải	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
13	Quy hoạch chi tiết các điểm khu dân cư vùng Nông Trường, Hà Phong (TĐC Cao tốc Bắc - Nam)	3,70	3,70			Xã Kỳ Phong	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh	
14	Quỹ đất TĐC đường cao tốc Bắc - Nam	1,21	1,21			Xã Kỳ Văn	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh	
15	Hạ tầng dân cư thôn Đồng Phú, xã Kỳ Đồng	0,08	0,08			Xã Kỳ Đồng	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
16	Hạ tầng khu dân cư Đồng Mai Cáng- xã Kỳ Đồng	0,04	0,04			Xã Kỳ Đồng	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh	
17	QH đất ở Bàu Rộc Rời	4,05	4,05			Thôn Trung Tượng, xã Kỳ Tân	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
XIV	Đất trụ sở cơ quan	3,60	3,60					
1	XD Các trụ sở, cơ quan, đơn vị trong khu đô thị Kỳ Đồng (gồm nhiều công trình)	3,60	3,60			Xã Kỳ Đồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
XV	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,50	0,50					
1	Trụ sở Trung tâm Chính trị huyện	0,50	0,50			Xã Kỳ Đồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
52	Tổng B: 52 Danh mục	66,93	55,04	11,89				
68	Tổng A + B: 68 Danh mục	85,84	73,95	11,89				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2.11. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN HƯƠNG KHÊ

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Đất giao thông	2,49	2,49					
1	Nâng cấp đường Huyện lộ 9 (ĐH. 94), huyện Hương Khê	0,10	0,10			Xã Phú Phong, xã Hương Xuân	Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện	
2	Dự án cải tạo, nâng cấp đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ	2,00	2,00			Xã Phúc Đồng	QĐ về việc phê duyệt dự án cải tạo, nâng cấp đoạn	
		0,39	0,39			Xã Hương Thủy	Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội -TP Hồ	
II	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,18	0,18					
1	Nhà văn hóa thôn 1	0,18	0,18			Thôn 1, xã Điền Mỹ	2396/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 của UBND huyện Hương Khê	
III	Đất ở tại nông thôn	2,00	2,00					
1	Đất ở nông thôn	1,80	1,80			Thôn Nam Trung, xã Điền Mỹ	2396/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 của UBND huyện Hương Khê	
2	Đất ở nông thôn	0,20	0,20			Thôn Bình Minh, xã Hương Bình	QĐ số 5549/QĐ UBND ngày 14/10/2015 của UBND huyện về việc QH xen dăm UBND xã Hương Bình	
IV	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,06	0,06					
1	Lăng mộ Dương Tướng Quân	0,06	0,06			Thôn 7, xã Phúc Đồng	Thông báo số 175 - TB HU ngày 17/10/2022 của thường trực huyện ủy	
6	Tổng A: 6 Danh mục	4,73	4,73					
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023								
I	Đất trồng cây hàng năm khác	0,01	0,01					
1	Nông trại sản xuất rau quả công nghệ cao Bình Minh (Thôn 5)	0,01	0,01			Xã Phú Phong	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
II	Đất nông nghiệp khác	8,00	8,00					
1	Dự án Chăn nuôi bò sữa (Vinamilk)	8,00	8,00			Tại tiểu khu 240, xã Hương Vĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
III	Đất giao thông	8,55	3,85	4,70				

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đường giao thông nối từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực biên giới xã Hoà Hải huyện Hương Khê	1,50	1,50			Xã Hương Long, Hương Bình, Hòa Hải, Phúc Đồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Đường giao thông bảo vệ an ninh biên giới, kết hợp bảo vệ phát triển thác Vũ Môn và phát triển vùng, huyện Hương Khê (đường Huyện lộ ĐH.91)	3,50		3,50		Xã Phú Gia, Hương Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Quy hoạch GTNT xã Hương Thủy	0,25	0,25			Xã Hương Thủy	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT 553 đoạn từ Lộc Yên-Hồ Chí Minh (Km39+30 - Km47+830)	3,10	1,90	1,20		Xã Lộc Yên	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Nâng cấp đường giao thông huyện lộ 92 đoạn từ xã Hương Thủy đi xã Hương Giang	0,10	0,10			Xã Hương Giang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, thuộc dự	0,07	0,07			Thị trấn Hương Khê	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
		0,03	0,03			Xã Phú Phong		
IV	Đất thủy lợi	0,80	0,80					
1	Mở rộng và chuyên tuyến kênh Đập Làng (Thôn 1)	0,80	0,80			Xã Hương Thủy	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
V	Đất công trình năng lượng	0,02	0,02					
1	Chống quá tải lưới điện huyện Thạch Hà, huyện Hương Khê và TP Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh	0,02	0,02			Xã Hương Thủy, xã Hòa Hải	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VI	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,54	0,54					
1	Xây dựng trạm BTS mạng di động VINAPHONE	0,36	0,36			Thị trấn và các xã huyện Hương Khê	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Xây dựng Bưu điện văn hóa xã	0,06	0,06			Xã Hương Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Xây dựng Bưu điện văn hóa xã	0,12	0,12			Xã Gia Phố	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VII	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,66	0,66					
1	Nhà văn hoá thôn 3	0,30	0,30			Thôn 3, xã Điền Mỹ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Xây dựng mới Nhà văn hóa, khu thể thao thôn 4, xã Hương Giang	0,36	0,36			Thôn 4, xã Hương Giang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IX	Đất ở tại nông thôn	12,93	12,93					
1	Đất ở nông thôn	0,90	0,90			Thôn Bình Hà, Bình Minh, Bình Trung, Bình Thái, xã Hương Bình	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Đất ở nông thôn	0,70	0,70			Thôn 1, 3, 4, 5, 6, 7, 9, xã Phúc Đồng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Đất ở nông thôn	1,70	1,70			Thôn 1, 2, 8, xã Hương Long	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Đất ở mới	1,01	1,01			Thôn Phú Vinh, Quang Lộc, Phú Thành, xã Phú Gia	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	Đất ở mới (xen dăm)	0,08	0,08			Thôn 9, xã Hương Thủy	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Đất ở mới	0,90	0,90			Các thôn: Bình Thái, Bình Trung, Bình Minh, Bình Hà, Bình Hưng, xã Hương Bình	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Dự án dân cư xã Phú Phong	7,64	7,64			Thôn 3, xã Phú Phong	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
IX	Đất thương mại, dịch vụ	0,24	0,24					
1	Hợp tác xã nông nghiệp	0,04	0,04			Xã Gia Phổ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Xây dựng cửa hàng xăng dầu	0,20	0,20			Thôn Phú Hồ, xã Phú Gia	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
24	Tổng B: 24 Danh mục	31,75	27,05	4,70				
30	Tổng A+B: 30 Danh mục	36,48	31,78	4,70				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 2.12. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN VŨ QUANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Đất thương mại, dịch vụ	0,20	0,20					
1	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ thôn Hương Tân	0,20	0,20			Xã Đức Hương	Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 8/4/2020 của UBND tỉnh QĐCTĐT Dự án Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp tại xã Đức Hương, huyện Vũ Quang của ông Nguyễn Văn Minh	
II	Đất giao thông	0,87	0,87					
1	Đường giao thông nông thôn Cửa Lĩnh (281 - Anh Huy)	0,10	0,10			Xã Đức Lĩnh	Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 9/6/2022 của UBND xã Đức Lĩnh Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Đường GTNT thôn Cửa Lĩnh, xã Đức Lĩnh (tuyến từ QL281 - Anh Huy)	
2	Đường giao thông nông thôn Bình Phong	0,10	0,10			Xã Đức Lĩnh	Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Vũ Quang về việc thông qua danh mục các công trình thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	
3	Đường giao thông nông thôn Mỹ Ngọc	0,10	0,10			Xã Đức Lĩnh	Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Vũ Quang về việc thông qua danh mục các công trình thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	
4	Đường giao thông nội đồng Mỹ Ngọc (Ông Châu - Anh Chương)	0,30	0,30			Xã Đức Lĩnh	Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND huyện Vũ Quang về việc thông qua danh mục các công trình thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	
5	Nâng cấp xây dựng đường tránh lũ Đức Lĩnh - Ân Giang - Đức Giang	0,27	0,27			Xã Đức Lĩnh, Đức Giang	Quyết định số 5373/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Vũ Quang về việc phê duyệt CTĐT xây dựng các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách xây dựng cơ bản tập trung bổ sung mục tiêu cho ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
III	Đất ở nông thôn	0,30	0,30					
1	Đất ở (đầu giá) thôn Vinh Hội	0,30	0,30			Xã Đức Lĩnh	Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của UBND huyện Vũ Quang về việc phê duyệt QHCT xen dăm đất ở thôn Vinh Hội, xã Đức Lĩnh	
IV	Đất công trình năng lượng	0,17	0,17					
1	Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu (Đường dây 500kV Nhiệt điện Vũng Áng 3 – Quỳnh Lập), đoạn qua huyện Vũ Quang	0,17	0,17			Xã Đức Liên	Văn bản số 7791/UBND-KT2 ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận hướng tuyến đường dây 500kV	
8	Tổng A: 08 Danh mục	1,54	1,54					
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023								
I	Đất an ninh	0,20	0,20					
1	Trụ sở công an xã	0,20	0,20			Xã Thọ Điền	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
II	Đất giao thông	1,10	1,10					
1	Đường giao thông Yên Du- Thanh Sơn	0,02	0,02			Thôn Yên Du, Thanh Sơn xã Đức Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Mở rộng đường GTNT thôn Bình Phong - Cao Phong	0,15	0,15			Xã Đức Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
3	Mở rộng đường GTNT thôn Thanh Sơn (từ ngõ ông Trí - Khe Du)	0,30	0,30			Thôn Thanh Sơn, xã Đức Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
4	Nâng cấp đường vào khu sản xuất tập trung Đức Lĩnh	0,10	0,10			Xã Đức Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5	Đường giao thông nông thôn xã Đức Lĩnh (thôn Tân Hương)	0,50	0,50			Xã Đức Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
6	Mở rộng đường giao thông từ thôn Yên Du đến xã Đức Bồng	0,03	0,03			Xã Đức Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
III	Đất thể dục, thể thao	0,30	0,30					
1	Khu thể thao tại thôn 3 Bồng Giang	0,10	0,10			Xã Đức Giang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
2	Khu thể thao tại thôn 1 Bồng Giang	0,20	0,20			Xã Đức Giang	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
IV	Đất công trình năng lượng	0,02	0,02					
1	Xây dựng DZ, TBA giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp khu vực thị xã Hồng Lĩnh, huyện Vũ Quang năm 2022	0,02	0,02			Xã Đức Bồng, Thọ Điền, Quang Thọ	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
V	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,23	0,23					
1	Nhà văn hóa thôn Yên Du	0,23	0,23			Xã Đức Lĩnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh	
11	Tổng B: 11 Danh mục	1,85	1,85					
19	Tổng A+B: 19 Danh mục	3,39	3,39					

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2.13. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2023 CỦA HUYỆN LỘC HÀ**

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2023								
I	Đất giao thông	5,00	5,00					
1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông liên xã Thạch Châu - thị trấn Lộc Hà, huyện Lộc Hà (LX03) đoạn nối từ QL 281 đến tuyến nhánh đường 70, dài 1,8 km	1,00	1,00			Xã Thạch Châu	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/9/2022 của HĐND huyện Lộc Hà về điều chỉnh bổ sung một số nội dung trong KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
2	Kè kết hợp đường ven sông Én từ Cầu Trù đi cầu Bền Én	2,00	2,00			Xã Ích Hậu		
3	Đường giao thông liên xã Thạch Mỹ - Thạch Châu	2,00	2,00			Xã Thạch Mỹ	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND huyện Lộc Hà về việc phê duyệt KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
II	Đất thủy lợi	0,25	0,25					
1	Kênh tiêu úng liên xã Bình An - Phù Lưu	0,25	0,25			Xã Bình An, xã Phù Lưu	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/9/2022 của HĐND huyện Lộc Hà về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong KHĐT công trung hạn giai đoạn (2021-2025)	
III	Đất bư chính viễn thông	0,14	0,14					
1	Đất bư chính viễn thông (thôn Sơn Phú, xã Mai Phụ)	0,03	0,03			Xã Mai Phụ	QĐ số 1429/QĐ-VTHT-KTĐT ngày 04/11/2022 của Viễn thông Hà Tĩnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư XD CSHT các trạm BTS trên địa bàn huyện Lộc Hà	
2	Đất bư chính viễn thông	0,04	0,04			Xã Tân Lộc		
3	Đất bư chính viễn thông	0,04	0,04			Xã Phù Lưu		
4	Đất bư chính viễn thông	0,03	0,03			Xã Hồng Lộc		

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
IV	Đất ở nông thôn	2,80	2,80					
1	Vùng Đồng Trộp thôn Hồng Lạc	0,50	0,50			Xã Thạch Châu	Quyết định số 4114/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 về việc cho phép xã Thạch Châu khảo sát địa điểm lập quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất ở	
2	Đất ở Quy hoạch đất ở vùng phía dưới đường Hộ Đê, thôn Tân Phú;	0,80	0,80			Xã Thạch Mỹ	Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 9/2/2021 của UBND huyện Lộc Hà về phê duyệt QH đất ở xã Thạch Mỹ	
3	Đất ở Quy hoạch đất ở vùng Vùng Chánh giáo thôn Hà Ân	1,70	1,70			Xã Thạch Mỹ		
4	Đất ở nông thôn đường Sông Nghèn	0,30	0,30			Xã Thạch Mỹ		
V	Đất tôn giáo	0,15	0,15					
1	Mở rộng khuôn viên giáo xứ Đông Kỳ	0,15	0,15			Xã Thạch Mỹ	Văn bản số 2626/UBND-XD ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh về việc đồng ý chủ trương mở rộng khuôn viên Giáo họ Đông Kỳ, xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà	
VI	Đất giáo dục							
1	Mở rộng khuôn viên Trường tiểu học xã Hồng Lộc	0,10	0,10			Xã Hồng Lộc	Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 22/9/2022 của HĐND huyện Lộc Hà về việc thông qua đề án xây dựng củng cố nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, trường điển hình tiên tiến huyện Lộc Hà giai đoạn (2022-2026)	
2	Mở rộng khuôn viên Trường Mầm non xã Hồng Lộc	0,15	0,15			Xã Hồng Lộc		
3	Mở rộng trường mầm non Mai Phụ	0,10	0,10			Mai Phụ		
VII	Đất thương mại dịch vụ	0,20	0,20					
1	Khu đất thương mại, dịch vụ thôn Tân Thượng	0,20	0,20			Xã Tân Lộc	Văn bản số 5721/UBND-NL ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh V/v nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp để thực hiện dự án phi nông nghiệp tại xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà	
IX	Đất văn hóa	3,90	2,90	1,00				
1	XD Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện Lộc Hà	3,90	2,90	1,00		Thị trấn Lộc Hà	Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của UBND tỉnh về việc cho phép khảo sát lập quy hoạch xây dựng Trung tâm văn hóa truyền thông huyện Lộc Hà	
18	Tổng A: 18 Danh mục	13,29	12,29	1,00				

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2023								
I	Đất giao thông	17,16	15,64	1,52				
1	Nâng cấp mở rộng đường nối QL1A tại ngã ba Thạch Long đến đường tỉnh lộ 549 (qua xã Thạch Mỹ)	0,50	0,50			Xã Thạch Mỹ	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Thạch Khê đến Hồng Lộc (Ích Hậu; Hồng Lộc)	1,00	1,00			Xã Hồng Lộc, Ích Hậu	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Hệ thống đường giao thông khu đô thị (thị trấn Lộc Hà, đường nội vùng các giai đoạn)	2,00	2,00			Thị trấn Lộc Hà	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Hạ tầng khu du lịch biển Lộc Hà	4,12	3,82	0,30		TT, Thịnh Lộc	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	XD hạ tầng (hệ thống đường giao thông) trong khu đất XD mới	0,40	0,40			Thị trấn Lộc Hà	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	XD bến cảng nội địa và nhà chờ phục vụ khách du lịch	1,22		1,22		Xã Hộ Độ	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Quy hoạch mới đường giao thông liên xã Hồng Lộc Mai Phụ (ĐH.116)	7,92	7,92			Các xã: Ích Hậu, Phù Lưu, Thạch Mỹ, Mai Phụ	NQ 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
II	Đất thể dục, thể thao	0,70	0,70					
1	Sân thể thao thôn Đồng Sơn (Vùng Đồng Xuân)	0,70	0,70			Thôn Đồng Sơn, xã Mai Phụ	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
III	Đất năng lượng	0,66	0,66					
1	Đường dây và trạm biến áp 110kV Lộc Hà	0,52	0,52			Các xã, thị trấn	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, QĐ số 601/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh	
2	XD XD mới, cải tạo hệ thống điện: Các trạm biến áp phân phối; các tuyến đường dây trung áp, đường dây hạ áp.	0,08	0,08			Xã Hồng Lộc, Thịnh Lộc, Phù Lưu, Ích Hậu, TT Thạch Bằng, Thạch Mỹ, Mai Phụ, Tân Lộc, Bình An	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3	XD trạm ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại các xã Hồng Lộc, xã Thị trấn, xã Mai Phụ, xã Hộ Độ thuộc huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh	0,06	0,06			Xã Hồng Lộc, TT Thạch Bằng, xã Mai Phụ, xã Hộ Độ	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
IV	Đất nông nghiệp khác	15,40	15,40					
1	Khu nông nghiệp công nghệ cao	7,40	7,40			Xã Phù Lưu	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Trang trại Chăn nuôi kết hợp trồng cây ăn quả xã Phù Lưu	7,45	7,45			Xã Phù Lưu	NQ 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
3	Trang trại nông nghiệp Tổng hợp Thái Hòa	8,00	8,00			Xã Phù Lưu	NQ 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
V	Đất thương mại dịch vụ	2,74	1,20	1,54				
1	Các khu đất thương mại dịch vụ (gồm các khu C1; C2; C3; C7; C8; C11; C12; C23; C24; C25; 247)	1,20	1,20			Thị trấn Lộc Hà	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Đất thương mại dịch vụ (Khu đất thương mại, dịch vụ Trung tâm Quỹ đất quản lý)	1,54		1,54		Thị trấn Lộc Hà	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VI	Đất cụm công nghiệp	8,20		8,20				
1	Cụm công nghiệp Thạch Bằng	8,20		8,20		Thị trấn Lộc Hà	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VII	Đất thủy lợi	10,55	7,55	3,00				
1	Xử lý cấp bách đê Tả Ngành huyện Lộc Hà: Có 2 đoạn: Đoạn 1: (tại thị trấn Lộc Hà dài 2 km). Đoạn 2: (từ cầu Trù đến Công Đập Búi, dài 8km)	7,00	5,00	2,00		Xã Ích Hậu, TT. Lộc Hà	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Kênh tiêu Đông Liên xã Thịnh Lộc và Bình An, huyện Lộc Hà	2,00	2,00			Xã Thịnh Lộc, xã Bình An	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	XD đê tả ngành qua chùa Phổ Độ nối với Tinh lộ 9	1,00		1,00		Xã Hộ Độ	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	XD hệ thống mương trong khu cấp đất ở mới tại 11 xã	0,55	0,55			11 xã trong huyện	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
VIII	Đất văn hóa	5,64	5,64					
1	Mở rộng quảng trường Mai Hắc Đế	3,50	3,50			Xã Thịnh Lộc, thị trấn Lộc Hà	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	XD đài tưởng niệm liệt sĩ xã Ích Hậu	0,30	0,30			Xã Ích Hậu	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
IX	Đất giáo dục, đào tạo	0,20	0,20					
1	Mở rộng khuôn viên Trường THCS Hồng Tân (sân bóng)	0,20	0,20			Xã Hồng Lộc	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
X	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,30	0,30					
1	Mở rộng nghĩa trang (thôn Kim Tân, Tân Thượng)	0,30	0,30			Xã Tân Lộc	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
XI	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,20	0,20					
1	Mở rộng nhà văn hoá thôn Hà Ân	0,20	0,20			Xã Thạch Mỹ	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Quy hoạch đất nhà văn hóa thôn tại vùng đồng Bục Bục (thôn Bắc Kinh)	0,20	0,20			Xã Ích Hậu	NQ 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
3	Quy hoạch đất nhà văn hóa thôn Ích Mỹ (phía Bắc đền thờ Nguyễn Văn Giai) kết hợp khu vui chơi, giải trí	0,24	0,24			Xã Ích Hậu	NQ 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
XII	Đất ở nông thôn	6,96	6,96					
1	Đất ở vùng CửaTùy thôn Xuân Triều	0,50	0,50			Xã Bình An	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Đất ở dậm dân tại thôn Đông Thắng, Đồng Xuân, Đồng Sơn	0,30	0,30			Xã Mai Phụ	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
3	Đất ở xen dậm các thôn: Phú Mỹ, Liên Giang, Báo Ân, Tây Giang, Hà Ân, Tân Phú	0,90	0,90			Xã Thạch Mỹ	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
4	Đất ở các thôn Trung Sơn, Đại Lự, Yên Giang	0,80	0,80			Xã Hồng Lộc	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
5	XD đất ở dậm dân tại thôn Phù Ích, Bắc Kinh	0,70	0,70			Xã Ích Hậu	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
6	Đất ở dậm dân các thôn: Thanh Hòa, Thanh Lương, Thanh Ngọc, Mỹ Hòa, Thanh Mỹ, Đông Châu, Bắc Sơn, Thái Hòa	0,68	0,68			Xã Phù Lưu	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
7	Đất ở dậm dân các thôn: Tân Thượng, thôn Tân Trung, Kim Tân	1,30	1,30			Xã Tân Lộc	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
8	Đất ở vùng Nhà Găng thôn Thống Nhất	0,80	0,80			Xã Ích Hậu	NQ 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
9	Đất ở vùng Đồng Mộng thôn 2	0,21	0,21			Xã Bình An	NQ 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
10	Đất ở nông thôn dọc đường Bình - Tân thôn Tân Thượng	0,77	0,77			Xã Tân Lộc	NQ 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	
XIII	Đất ở đô thị	0,69	0,69					
1	Đất ở tại 10 tổ dân phố	0,60	0,60			Thị trấn Lộc Hà	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
2	Đất ở đấu giá tại TDP Yên Bình (đường 70m tuyến nhánh)	0,09	0,09			Thị trấn Lộc Hà	NQ 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	
40	Tổng B: 40 Danh mục	75,45	61,19	14,26				
58	Tổng A+B: 58 Danh mục	88,74	73,48	15,26				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH